

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 1248/ĐA-UBND

Kiên Giang, ngày 29 tháng 4 năm 2025

**ĐỀ ÁN
HỢP NHẤT TỈNH AN GIANG VÀ TỈNH KIÊN GIANG**

Căn cứ Nghị quyết số 60-NQ/TW ngày 12/4/2025 của Hội nghị lần thứ 11 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII, các Kết luận của Bộ Chính trị, Ban Bí thư: Kết luận số 126-KL/TW ngày 14/02/2025, Kết luận số 127-KL/TW ngày 28/02/2025, Kết luận số 137-KL/TW ngày 28/03/2025; Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 65/2025/QH15; Nghị quyết số 76/2025/UBTVQH15 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính (ĐVHC) năm 2025; Nghị quyết số 74/NQ-CP ngày 07/4/2025 của Chính phủ ban hành Kế hoạch thực hiện sắp xếp ĐVHC và xây dựng mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp, sau khi phối hợp với tỉnh An Giang, Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang trình Chính phủ Đề án hợp nhất tỉnh An Giang và tỉnh Kiên Giang như sau:

Phần I

**CĂN CỨ CHÍNH TRỊ, PHÁP LÝ VÀ SỰ CẦN THIẾT
HỢP NHẤT ĐVHC CẤP TỈNH**

I. CĂN CỨ CHÍNH TRỊ, PHÁP LÝ

- Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 2013.
- Nghị quyết số 60-NQ/TW ngày 12/4/2025 của Hội nghị lần thứ 11 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII.
- Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả.
- Kết luận số 126-KL/TW ngày 14/02/2025 của Bộ Chính trị, Ban Bí thư về một số nội dung, nhiệm vụ tiếp tục sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị năm 2025; Kết luận số 127-KL/TW ngày 28/02/2025 của Bộ Chính trị, Ban Bí thư về triển khai nghiên cứu, đề xuất tiếp tục sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị; Kết luận số 130-KL/TW của Bộ Chính trị, Ban Bí thư ngày 14/3/2025 về chủ trương sắp xếp, tổ chức lại ĐVHC các cấp và xây dựng mô hình tổ chức chính quyền địa phương 2 cấp; Kết luận số 137-KL/TW ngày 28/3/2025 của Bộ Chính trị, Ban Bí thư về Đề án sắp xếp, tổ chức lại ĐVHC các cấp và mô hình tổ chức chính quyền địa phương 2 cấp.

5. Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 65/2025/QH15.

6. Nghị quyết số 76/2025/UBTVQH15 ngày 14/4/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về sắp xếp ĐVHC năm 2025.

7. Nghị quyết số 74/NQ-CP ngày 07/4/2025 của Chính phủ ban hành Kế hoạch thực hiện sắp xếp ĐVHC và xây dựng mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp.

8. Căn cứ Quyết định số 759/QĐ-TTg ngày 14/4/2025 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Đề án sắp xếp, tổ chức lại ĐVHC các cấp và tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp.

II. SỰ CẦN THIẾT HỢP NHẤT TỈNH AN GIANG VÀ TỈNH KIÊN GIANG

Trong bối cảnh phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam và hội nhập quốc tế sâu rộng cần thiết phải mở rộng và đảm bảo tính thống nhất về không gian địa lý, sự liên thông các nguồn lực, bố trí và sử dụng hợp lý, tiết kiệm, hiệu quả các nguồn lực phát triển của đất nước. Việc xây dựng nền quản trị quốc gia, quản trị địa phương hiện đại, hiệu lực, hiệu quả với sự tham gia của nhiều chủ thể dựa trên nền tảng công nghệ thông tin, chuyển đổi số đã và đang làm thay đổi vai trò quản lý của các cấp chính quyền địa phương. Hệ thống hạ tầng giao thông, hạ tầng công nghệ thông tin, chuyển đổi số ngày càng phát triển, tạo khả năng kết nối hiệu quả giữa chính quyền và người dân, cộng đồng doanh nghiệp, khoảng cách không gian giữa chính quyền và người dân, doanh nghiệp ngày càng thu hẹp địa lý và ranh giới địa giới giữa các ĐVHC. Song song với đó, việc đẩy mạnh thực hiện chuyển đổi số, xây dựng chính quyền số, xã hội số dẫn đến nhiều hoạt động hành chính truyền thống đã được số hóa và triển khai thực hiện trên môi trường mạng. Chuyển đổi quy trình giải quyết thủ tục hành chính trên môi trường điện tử, cung cấp dịch vụ công trực tuyến giúp giải quyết thủ tục hành chính nhanh chóng và không phụ thuộc vào ranh giới địa giới hành chính, tạo điều kiện rất thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp và bảo đảm hoạt động kiểm tra, giám sát của cơ quan nhà nước cấp trên. Đồng thời, việc tái cấu trúc quy trình nội bộ, quy trình điện tử trong giải quyết thủ tục hành chính giúp đơn giản hóa trình tự, thủ tục thực hiện công việc của cán bộ, công chức, viên chức; góp phần nâng cao năng suất và hiệu quả của nền hành chính công. Nhiều công việc quản lý trung gian được thay thế bằng hệ thống phần mềm điện tử, giúp tổ chức vận hành hiệu quả hơn mà không cần nhiều tổ chức hành chính và biên chế.

Vì vậy, việc tổ chức hợp lý, hướng đến ổn định lâu dài của ĐVHC cấp tỉnh có vai trò quan trọng trong việc bảo đảm hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả hoạt động của bộ máy chính quyền địa phương; phát huy được những tiềm năng, lợi thế của mỗi địa phương nói riêng và của cả nước nói chung.

Trong suốt chiều dài lịch sử hình thành và phát triển, quá trình chia, tách ĐVHC các cấp diễn ra qua nhiều giai đoạn, việc hình thành các ĐVHC mới đã thúc đẩy sự phát triển về kinh tế - xã hội, kết cấu hạ tầng được đầu tư, năng lực

quản lý của bộ máy nhà nước ngày càng tốt và gần dân, sát với dân hơn, quốc phòng - an ninh, trật tự an toàn xã hội và đời sống của người dân được bảo đảm. Thực tế cho thấy, các ĐVHC sau khi chia, tách, thành lập mới, được quan tâm tập trung đầu tư đúng hướng, phát huy được thế mạnh của mỗi địa phương, kinh tế - xã hội các ĐVHC sau thành lập phát triển mạnh mẽ hơn. Tuy nhiên, quá trình chia, tách, thành lập nhiều ĐVHC đã dẫn đến một số bất cập và hạn chế như: việc tăng số lượng ĐVHC dẫn đến bộ máy các cơ quan nhà nước ngày càng chồng chéo; tăng biên chế cán bộ, công chức, viên chức; tăng chi ngân sách nhà nước do tăng biên chế và quỹ tiền lương, xây dựng trụ sở, mua sắm trang thiết bị và tăng chi thường xuyên. Việc tăng số lượng ĐVHC cũng gây ra nhiều khó khăn trong công tác lập kế hoạch, quy hoạch dài hạn, định hướng phát triển, phân tán các nguồn lực đầu tư cho phát triển kinh tế - xã hội, nhất là trong điều kiện Trung ương đang đẩy mạnh phân cấp, trao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm của chính quyền địa phương.

Từ thực tiễn quá trình hình thành, phát triển ĐVHC và tổ chức chính quyền địa phương qua các thời kỳ; kết quả tích cực của công tác sắp xếp ĐVHC cấp huyện, cấp xã các giai đoạn 2019 - 2021 và 2023 - 2025; Bộ Chính trị, Ban Bí thư đã ban hành Kết luận số 126-KL/TW ngày 14/02/2025 và Kết luận số 127-KL/TW, trong đó yêu cầu *“nghiên cứu định hướng sáp nhập một số đơn vị cấp tỉnh, không tổ chức cấp huyện, sáp nhập một số đơn vị cấp xã; thực hiện mô hình địa phương 2 cấp (tổ chức đảng, chính quyền, đoàn thể) bảo đảm tinh gọn, hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả. Việc nghiên cứu phải tiến hành khách quan, dân chủ, khoa học, cụ thể, sâu sắc, cầu thị, sát đúng với tình hình thực tiễn; khắc phục triệt để chồng chéo về chức năng, nhiệm vụ, chia cắt về địa bàn, lĩnh vực, tổ chức trung gian công kênh; bảo đảm hoạt động thông suốt, hiệu lực, hiệu quả, nâng cao vai trò lãnh đạo, cầm quyền của Đảng, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong giai đoạn mới”*; *“Xây dựng đề án sáp nhập một số ĐVHC cấp tỉnh, không tổ chức cấp huyện, tiếp tục sáp nhập ĐVHC cấp xã: Cần xác định rõ các mô hình chính quyền địa phương cấp xã đối với khu vực đô thị, nông thôn, miền núi, đồng bằng, hải đảo, quy mô dân số, diện tích, lịch sử, văn hoá, các vấn đề về kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh, dân tộc, tôn giáo... Xây dựng chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức bộ máy, định biên của chính quyền địa phương cấp xã. Làm rõ mối quan hệ công tác giữa các cấp chính quyền địa phương (giữa cấp tỉnh và cấp xã); mối quan hệ công tác theo ngành dọc từ Trung ương đến cấp xã (giữa bộ, ngành Trung ương, các sở chuyên ngành và đơn vị, cá nhân phụ trách theo lĩnh vực), bảo đảm hoạt động thuận lợi, đồng bộ, liên thông, hiệu lực, hiệu quả; xác định rõ các điều kiện bảo đảm để chính quyền cấp xã hoạt động hiệu quả trước, trong và sau khi sắp xếp”*. Từ các căn cứ nêu trên, để tiếp tục thực hiện chủ trương của Đảng tại Nghị quyết Đại hội XIII, Nghị quyết số 18-NQ/TW, Nghị quyết số 27-NQ/TW, Nghị quyết số 60-NQ/TW, Kết luận số 126-KL/TW, Kết luận số 127-KL/TW, Kết luận số 130-KL/TW, Kết luận số 137-KL/TW của Bộ Chính trị, Ban Bí thư và nhằm đáp ứng yêu cầu quản trị địa phương trong kỷ nguyên mới, kỷ nguyên vươn mình, phát triển giàu mạnh và thịnh vượng của đất nước thì việc thực hiện sắp xếp ĐVHC cấp tỉnh là cần thiết.

Qua rà soát, nghiên cứu rất kỹ phương án sắp xếp trên cơ sở các tiêu chí về diện tích tự nhiên, quy mô dân số theo Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội

về tiêu chuẩn của ĐVHC và phân loại ĐVHC; lịch sử, truyền thống, văn hóa, dân tộc; địa kinh tế; địa chính trị; quốc phòng, an ninh khu vực biên giới phía Tây Nam của Tổ quốc. Theo đó, An Giang và Kiên Giang là 02 ĐVHC cấp tỉnh có vị trí liên kề, có nhiều nét tương đồng về điều kiện tự nhiên, truyền thống lịch sử hình thành gắn liền với lịch sử cách mạng miền Tây Nam Bộ, lịch sử kháng chiến của Khu 9 trong thời kỳ kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ; giao thoa tương đồng về văn hóa, phong tục, tín ngưỡng và dân tộc; có quy mô nền kinh tế tương đương và tương hỗ lẫn nhau trong định hướng phát triển chung của vùng; hệ thống giao thông kết nối đồng bộ giữa hai tỉnh, trong đó An Giang là tỉnh có tiêu chuẩn về diện tích tự nhiên chưa đảm bảo tiêu chuẩn theo quy định tại điểm b, khoản 2 Điều 1 Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của ĐVHC và phân loại ĐVHC. Việc hợp nhất tỉnh An Giang và tỉnh Kiên Giang sẽ hình thành một tỉnh có quy mô kinh tế lớn nhất vùng Tây Nam Bộ, với sự kết hợp giữa kinh tế biển, thương mại biên giới, nông nghiệp và du lịch; khai thác tối đa tiềm năng, lợi thế về vị trí địa lý, quỹ đất gắn với lợi thế về giao thương biên giới, cảng biển và du lịch.

Căn cứ chủ trương, quan điểm, định hướng, mục tiêu, yêu cầu, nhiệm vụ, lộ trình, kế hoạch của Bộ Chính trị, Ban Bí thư, Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ và các cơ sở thực tiễn nêu trên, tỉnh Kiên Giang đã chủ trì, chủ động phối hợp với tỉnh An Giang xây dựng Đề án hợp nhất tỉnh An Giang và tỉnh Kiên Giang; đồng thời quán triệt quyết liệt trong Đảng bộ và chính quyền; tổ chức tuyên truyền sâu rộng đến toàn thể đảng viên, cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và toàn thể nhân dân trên địa bàn về chủ trương, sự cần thiết thực hiện sắp xếp ĐVHC cấp tỉnh để tạo đột phá, động lực cho việc thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của quốc gia nói chung và các địa phương nói riêng trong thời đại mới; qua đó tạo sự đồng thuận rất cao trong Đảng bộ, chính quyền và nhân dân trên địa bàn khi thực hiện sắp xếp.

Như vậy, việc hợp nhất tỉnh An Giang và tỉnh Kiên Giang nhằm thực hiện các chủ trương của Đảng và nhà nước; là thực sự cần thiết, đảm bảo phù hợp với các tiêu chí về tiêu chuẩn, lịch sử, truyền thống, văn hóa, dân tộc, địa kinh tế, địa chính trị và quốc phòng, an ninh; đảm bảo tuân thủ Hiến pháp, chủ trương, định hướng của Bộ Chính trị, Ban Bí thư và thẩm quyền, trình tự, thủ tục đúng theo quy định tại Luật Tổ chức chính quyền địa phương, các Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Kế hoạch của Chính phủ. Việc hợp nhất tỉnh An Giang và tỉnh Kiên Giang gắn liền với đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả; phát huy tiềm năng, lợi thế, mở rộng không gian phát triển nhằm nâng cao hiệu quả đầu tư kinh tế - xã hội, đảm bảo phát triển hài hòa và bền vững trong giai đoạn mới; đẩy mạnh phân cấp, phân quyền, tăng cường tính tự chủ, tự chịu trách nhiệm của chính quyền địa phương; cơ cấu lại và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, người lao động; bảo đảm chính quyền cấp cơ sở gần dân, sát dân và phục vụ người dân được tốt nhất; tạo lập cơ sở pháp lý cho công tác quy hoạch xây dựng và phát triển của toàn vùng, gắn kết chặt chẽ với đảm bảo chủ quyền, quốc phòng, an ninh, trật tự an toàn xã hội vùng đồng bằng sông Cửu Long nói chung và khu vực biên giới phía Tây Nam của Tổ quốc nói riêng.

Phần II

LỊCH SỬ HÌNH THÀNH VÀ HIỆN TRẠNG CỦA CÁC ĐVHC CẤP TỈNH

I. KHÁI QUÁT LỊCH SỬ HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN CỦA CÁC ĐVHC CẤP TỈNH THỰC HIỆN HỢP NHẤT

1. Tỉnh An Giang

An Giang có lịch sử lâu dài, gắn liền với quá trình hình thành và phát triển của vùng đất Tây Nam Bộ, năm 1757, vua Nặc Tôn của Vương quốc Chân Lạp đã cho lệ vào dinh Long Hồ và đặt 03 đạo: đạo Châu Đốc, đạo Tân Châu (ở cù lao Diên - huyện Chợ Mới ngày nay) và đạo Đông Khẩu (ở Sa Đéc) để gìn giữ biên cương. Tỉnh An Giang ngày nay nằm trong vùng đất Tầm Phong Long. Năm 1808, vua Gia Long chia đất Gia Định (Nam bộ ngày nay) làm 5 trấn. Tỉnh An Giang ngày nay nằm trong trấn Vĩnh Thanh trực thuộc thành Gia Định. Theo sách ***Đại Nam thực lục chính biên*** ghi nhận cách đây 193 năm, vào ngày mùng 1 tháng 10 năm Nhâm Thìn (1832), năm Minh Mạng năm thứ 13, vua Minh Mạng đã chỉ dụ bãi bỏ Bắc thành và Gia Định thành, lập 12 tỉnh phía Nam từ Quảng Nam đến Hà Tiên, trong đó đổi “ngũ trấn” thành “lục tỉnh” gồm *Biên Hòa, Phiên An, Định Tường, Vĩnh Long, An Giang, Hà Tiên*.

An Giang là tỉnh ở miền Tây Nam bộ, thuộc vùng đồng bằng sông Cửu Long, một phần nằm trong vùng tứ giác Long Xuyên, là nơi đầu tiên dòng Mê Kông chảy vào địa phận Việt Nam (được tách thành 2 nhánh sông Tiền và sông Hậu), là tỉnh thuộc vùng kinh tế trọng điểm vùng đồng bằng sông Cửu Long gồm Cần Thơ, An Giang, Kiên Giang và Cà Mau. Là vùng “địa linh - nhân kiệt” với nhiều giá trị truyền thống lịch sử, văn hoá, anh hùng cách mạng, quê hương Chủ tịch Tôn Đức Thắng, An Giang gắn liền với lịch sử, văn hóa của nước ta với nhiều di tích lịch sử - văn hóa nổi tiếng, như: “Lễ hội Vía Bà Chúa Xứ Núi Sam” đã được UNESCO ghi danh là di sản văn hóa phi vật thể đại diện của nhân loại; Di tích văn hóa Óc Eo - Ba Thê; di tích lịch sử Cột dây thép; Đền thờ Chủ tịch Tôn Đức Thắng...

Là tỉnh đa dân tộc, đa tôn giáo, nơi khởi nguồn của Phật giáo Hòa Hảo, Bửu Sơn Kỳ Hương và Phật hội Tứ Ân Hiếu Nghĩa. Các dân tộc Kinh, Hoa, Chăm, Khmer,... cùng chung sống hòa thuận lâu đời, từ đó hình thành những giá trị văn hóa phong phú, với nhiều lễ hội dân gian, các làng nghề truyền thống và các công trình kiến trúc độc đáo. Tính đa dạng về văn hóa là một trong những thế mạnh của hệ giá trị sinh thái nhân văn, tạo nên nét đẹp rất riêng của nền văn hóa tâm linh địa phương và của từng dân tộc tại An Giang. Những yếu tố đặc sắc trên có thể giúp An Giang phát triển mạnh mẽ các hoạt động du lịch đặc thù, nhất là du lịch văn hóa tâm linh, du lịch lịch sử. Có gần 100 km đường biên giới giáp 02 tỉnh Kandal và Tàkeo, Vương quốc Campuchia với 02 cửa khẩu quốc tế (Tịnh Biên, Vĩnh Xương), 02 cửa khẩu chính (Khánh Bình, Vĩnh Hội Đông) và 01 cửa khẩu phụ (Bắc Dai).

Với đặc điểm là tỉnh biên giới, đa dân tộc, đa tôn giáo, vị trí địa lý cách xa các trung tâm kinh tế lớn của đất nước và xuất phát điểm từ một tỉnh nông nghiệp,

cộng với những tác động khách quan từ tình hình kinh tế, chính trị thế giới và trong nước nên tình hình thực hiện nhiệm vụ chính trị của Tỉnh gặp nhiều khó khăn, thách thức. Song, với truyền thống đoàn kết, sáng tạo và khát vọng vươn lên mạnh mẽ của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã lan toả, tạo luồng sinh khí mới trong hệ thống chính trị và sự năng động, cần cù của các tầng lớp nhân dân, thúc đẩy kinh tế - xã hội địa phương không ngừng phát triển; quốc phòng - an ninh đảm bảo; công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị đạt kết quả khá toàn diện; đời sống vật chất và tinh thần của đại đa số Nhân dân được nâng cao; sức mạnh khối đại đoàn kết toàn dân tộc được tiếp tục phát huy.

1.1. Giai đoạn 1945 - 1975

Trước năm 1945, địa bàn tỉnh An Giang lúc bấy giờ thuộc địa phận của 02 tỉnh Châu Đốc và tỉnh Long Xuyên.

Sau Cách mạng Tháng Tám 1945, đến ngày 12/9/1947, Ủy ban kháng chiến hành chính Nam Bộ (chính quyền Việt Nam Dân chủ Cộng hòa) ban hành Chỉ thị số 50/CT. Theo đó, sắp xếp tỉnh Châu Đốc và tỉnh Long Xuyên thành các tỉnh mới lấy tên là Long Châu Tiền và Long Châu Hậu, cụ thể như sau:

- Tỉnh Long Châu Tiền nằm ở phía bờ trái (tả ngạn) sông Hậu, hai bên sông Tiền, thuộc khu 8 và có 05 huyện: Tân Châu, Hồng Ngự, Chợ Mới, Châu Phú B và Lấp Vò. Ngày 14/5/1949, chuyển huyện Lấp Vò về tỉnh Sa Đéc quản lý, đồng thời chia huyện Tân Châu thành 02 huyện mới là Phú Châu và Tân Châu.

- Tỉnh Long Châu Hậu nằm ở phía bờ phải (hữu ngạn) sông Hậu và có 06 huyện: Tịnh Biên, Tri Tôn, Thốt Nốt, Thoại Sơn, Châu Phú A và Châu Thành (bao gồm 2 tỉnh lỵ Long Xuyên và Châu Đốc). Năm 1949, chính quyền Cách mạng chuyển huyện Thốt Nốt về tỉnh Cần Thơ quản lý, đến năm 1954 lại trả huyện Thốt Nốt về cho tỉnh Long Xuyên quản lý như trước cũ.

Tháng 10/1950, tỉnh Long Châu Hậu hợp nhất với tỉnh Hà Tiên thành tỉnh Long Châu Hà, gồm 08 huyện: Tịnh Biên, Tri Tôn, Châu Phú A, Châu Thành, Thoại Sơn, Thốt Nốt, Giang Châu, Phú Quốc. Tháng 7/1951, hợp nhất 02 huyện Tri Tôn và Tịnh Biên thành huyện Tịnh Biên; hợp nhất 02 huyện Châu Thành và Thoại Sơn thành huyện Châu Thành. Tháng 6/1951, tỉnh Long Châu Tiền hợp nhất với tỉnh Sa Đéc thành tỉnh Long Châu Sa, gồm 07 huyện: Châu Thành, Lai Vung, Cao Lãnh, Tân Hồng, Tân Châu, Phú Châu, Chợ Mới. Tháng 7/1951, nhập huyện Lấp Vò vào tỉnh Long Châu Sa quản lý. Đến năm 1954, giải thể các tỉnh Long Châu Sa và Long Châu Hà, đồng thời khôi phục lại các tỉnh Châu Đốc, Long Xuyên, Sa Đéc và Hà Tiên như cũ.

Ngày 22/10/1956, Tổng thống Việt Nam Cộng hòa Ngô Đình Diệm ký Sắc lệnh 143/VN. Theo đó, sáp nhập tỉnh Châu Đốc và tỉnh Long Xuyên thành tỉnh An Giang, bao gồm 08 quận: Châu Thành, Tân Châu, Tri Tôn, Tịnh Biên, Châu Thành, Chợ Mới, Núi Sập và Thốt Nốt.

Ngày 06/8/1957, tách 13 xã phía Bắc của quận Châu Phú để thành lập quận An Phú thuộc tỉnh An Giang. Ngày 31/5/1961, chính quyền Việt Nam Cộng hòa đổi tên quận Núi Sập thành quận Huệ Đức.

Về phía chính quyền Cách mạng, năm 1957 cũng thực hiện sáp nhập tỉnh Long Xuyên và tỉnh Châu Đốc thành tỉnh An Giang. Tỉnh An Giang có 09 huyện: Chợ Mới, Thốt Nốt, Núi Sập, Châu Thành, Châu Phú, An Phú, Tân Châu, Tịnh Biên, Tri Tôn và 02 thị xã: Long Xuyên, Châu Đốc. Chính quyền Cách mạng cũng trả huyện Hồng Ngự về tỉnh Kiến Phong và huyện Lấp Vò về tỉnh Sa Đéc. Năm 1963, chuyển huyện Thốt Nốt về tỉnh Cần Thơ quản lý.

Năm 1965, chính quyền Cách mạng giao huyện Hà Tiên và huyện Phú Quốc (cùng thuộc tỉnh Rạch Giá) về tỉnh An Giang quản lý. Đến năm 1967 lại trả hai huyện Hà Tiên và Phú Quốc về cho tỉnh Rạch Giá như trước. Tháng 12/1965, huyện Chợ Mới chuyển về tỉnh Kiến Phong quản lý. Đến tháng 5/1974, chính quyền Cách mạng chuyển huyện Chợ Mới về tỉnh Sa Đéc quản lý. Năm 1971, Trung ương Cục miền Nam quyết định thành lập tỉnh Châu Hà, tách ra từ tỉnh An Giang và tỉnh Rạch Giá, trên phần đất tỉnh Châu Đốc và tỉnh Hà Tiên trước năm 1956. Lúc này tỉnh Châu Hà còn có thêm các huyện Châu Thành A, Hà Tiên và Phú Quốc vốn cùng thuộc tỉnh Rạch Giá trước đó. Tỉnh Châu Hà gồm các huyện: Huệ Đức, Tịnh Biên, Tri Tôn, Châu Thành A, Hà Tiên và Phú Quốc.

Tháng 5/1974, chính quyền Cách mạng quyết định giải thể các tỉnh An Giang, Châu Hà và Kiến Phong để tái lập các tỉnh Long Châu Hà, Long Châu Tiền và Sa Đéc. Theo đó:

- Tỉnh Long Châu Tiền gồm thị xã Tân Châu và 05 huyện: An Phú, Phú Tân A, Phú Tân B, Hồng Ngự, Tam Nông (nay là các huyện Tam Nông, Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp).

- Tỉnh Long Châu Hà gồm thị xã Long Xuyên, thị xã Châu Đốc và 08 huyện: Châu Thành X, Châu Phú, Tri Tôn, Tịnh Biên, Huệ Đức, Châu Thành A, Hà Tiên, Phú Quốc.

- Tỉnh Sa Đéc gồm thị xã Sa Đéc, thị xã Cao Lãnh và 06 huyện: Châu Thành, Lấp Vò, Lai Vung, Cao Lãnh, Mỹ An, Chợ Mới.

1.2. Giai đoạn 1975 - 1997

Sau sự kiện 30/4/1975, chính quyền quân quản Cộng hòa miền Nam Việt Nam ban đầu vẫn duy trì các tỉnh Long Châu Hà và Long Châu Tiền như trước. Lúc này, chính quyền Cách mạng cũng bỏ danh xưng “quận” có từ thời Pháp thuộc và lấy danh xưng “huyện” (quận và phường dành cho các đơn vị hành chánh tương đương khi đã đô thị hóa).

Ngày 20/9/1975, Bộ Chính trị ban hành Nghị quyết số 245-NQ/TW về việc bỏ khu, hợp tỉnh trong toàn quốc nhằm xây dựng các tỉnh thành những đơn vị kinh tế, kế hoạch và ĐVHC có khả năng giải quyết đến mức cao nhất những yêu cầu về đẩy mạnh sản xuất, tổ chức đời sống vật chất, văn hóa của nhân dân, về củng cố quốc phòng, bảo vệ trị an, và có khả năng đóng góp tốt nhất vào sự nghiệp chung

của cả nước. Theo đó, chia các tỉnh Long Châu Hà và Long Châu Tiền và sáp nhập vào các tỉnh mới, tên gọi tỉnh mới cùng với nơi đặt tỉnh lỵ sẽ do địa phương đề nghị. Cụ thể như sau: Tỉnh Rạch Giá (ngoại trừ 02 huyện Vĩnh Thuận và An Biên) cùng với toàn bộ diện tích tỉnh Long Châu Hà và huyện Thốt Nốt của tỉnh Cần Thơ hợp nhất lại thành một tỉnh. Các tỉnh Long Châu Tiền, Sa Đéc và Kiến Tường sẽ hợp nhất lại thành một tỉnh. Nhưng đến ngày 20/12/1975, Bộ Chính trị ban hành Nghị quyết số 19/NQ điều chỉnh việc hợp nhất tỉnh ở miền Nam Việt Nam. Theo đó thành lập tỉnh An Giang trên cơ sở hợp nhất tỉnh An Giang và tỉnh Châu Đốc, đồng thời chuyển huyện Thốt Nốt về tỉnh Hậu Giang quản lý.

Tháng 02/1976, tỉnh An Giang chính thức được tái lập, bao gồm 08 huyện: Châu Phú, Châu Thành, Chợ Mới, Huệ Đức, Phú Châu, Phú Tân, Tịnh Biên, Tri Tôn và 02 thị xã: Long Xuyên (tỉnh lỵ), Châu Đốc. Ngày 11/3/1977, Hội đồng Chính phủ ban hành Quyết định số 56-CP về việc hợp nhất một số huyện thuộc tỉnh An Giang. Theo đó: Hợp nhất 02 huyện Huệ Đức và Châu Thành thành huyện Châu Thành; hợp nhất 02 huyện Tri Tôn và Tịnh Biên thành huyện Bảy Núi.

Ngày 23/8/1979, Hội đồng Chính phủ ban hành Quyết định số 300-CP về việc điều chỉnh địa giới một số huyện và thị xã thuộc tỉnh An Giang. Theo đó: Chia huyện Bảy Núi thành 02 huyện: Tri Tôn và Tịnh Biên; chia huyện Châu Thành thành 02 huyện: Châu Thành và Thoại Sơn. Ngày 13/11/1991, chia huyện Phú Châu thành 02 huyện Tân Châu và An Phú.

Ngày 12/11/1994, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 669-TTg về việc xác định đường ranh giới hành chính giữa hai tỉnh Kiên Giang và An Giang. Đến năm 1996, hoàn tất việc xác định ranh giới giữa tỉnh An Giang và các tỉnh lân cận.

1.3. Giai đoạn 1997 - 2018

Ngày 01/3/1999, Chính phủ ban hành Nghị định số 09/1999/NĐ-CP về việc thành lập thành phố Long Xuyên thuộc tỉnh An Giang. Theo đó, thành lập thành phố Long Xuyên thuộc tỉnh An Giang trên cơ sở toàn bộ diện tích và dân số của thị xã Long Xuyên. Thành phố Long Xuyên có 10.687 ha diện tích tự nhiên và 245.149 nhân khẩu, có 10 ĐVHC cấp xã, bao gồm 05 phường: Mỹ Long, Mỹ Bình, Mỹ Xuyên, Mỹ Phước, Bình Đức và 05 xã: Mỹ Hòa, Mỹ Thới, Mỹ Thạnh, Mỹ Khánh, Mỹ Hòa Hưng.

Ngày 02/8/1999, Chính phủ ban hành Nghị định số 64/1999/NĐ-CP về việc thành lập một số phường thuộc thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang. Theo đó:

- Thành lập phường Mỹ Thạnh trên cơ sở toàn bộ 1.389,82 ha diện tích tự nhiên và 24.881 nhân khẩu của xã Mỹ Thạnh.
- Thành lập phường Mỹ Thới trên cơ sở toàn bộ 2.000,31 ha diện tích tự nhiên và 19.875 nhân khẩu của xã Mỹ Thới.
- Thành lập phường Bình Khánh trên cơ sở 628,80 ha diện tích tự nhiên và 24.820 nhân khẩu của phường Bình Đức (gồm các khóm Bình Thới 1, 2, 3 và khóm Bình Khánh 1, 2, 3, 4, 5).

- Thành lập phường Mỹ Quý trên cơ sở 472,22 ha diện tích tự nhiên và 9.983 nhân khẩu của phường Mỹ Phước (gồm các khóm Mỹ Phú, Mỹ Quới và Mỹ Thọ).

Ngày 12/4/2005, Chính phủ ban hành Nghị định số 52/2005/NĐ-CP về việc điều chỉnh địa giới hành chính để thành lập phường, xã, thị trấn thuộc thành phố Long Xuyên và các huyện Tịnh Biên, An Phú, Thoại Sơn, Tân Châu, tỉnh An Giang. Theo đó:

- Thành lập phường Đông Xuyên thuộc thành phố Long Xuyên trên cơ sở 89 ha diện tích tự nhiên và 10.149 nhân khẩu của phường Mỹ Xuyên.

- Thành lập phường Mỹ Hòa thuộc thành phố Long Xuyên trên cơ sở toàn bộ diện tích tự nhiên và dân số của xã Mỹ Hòa.

Thành phố Long Xuyên có 13 ĐVHC cấp xã trực thuộc, bao gồm 11 phường (Bình Đức, Bình Khánh, Đông Xuyên, Mỹ Bình, Mỹ Hòa, Mỹ Long, Mỹ Phước, Mỹ Quý, Mỹ Thạnh, Mỹ Thới, Mỹ Xuyên), 02 xã (Mỹ Hòa Hưng, Mỹ Khánh) và tồn tại cho đến ngày nay.

Ngày 24/8/2009, Chính phủ ban hành Nghị quyết số 40/NQ-CP về việc điều chỉnh địa giới hành chính xã thuộc huyện Tân Châu, huyện An Phú, huyện Phú Tân; thành lập thị xã Tân Châu và thành lập các phường thuộc thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang.

Ngày 19/7/2013, Chính phủ ban hành Nghị quyết số 86/NQ-CP về việc thành lập thành phố Châu Đốc thuộc tỉnh An Giang trên cơ sở toàn bộ 10.529,05 ha diện tích tự nhiên, 157.298 nhân khẩu và 07 ĐVHC cấp xã của thị xã Châu Đốc.

1.4. Từ năm 2019 đến nay

Ngày 13/02/2023, Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành Nghị quyết số 721/NQ-UBTVQH15 về việc thành lập thị xã Tịnh Biên, các phường thuộc thị xã Tịnh Biên, thị trấn Đa Phước thuộc huyện An Phú và thị trấn Hội An thuộc huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.

Ngày 14/11/2024, Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành Nghị quyết số 1285/NQ-UBTVQH15 về việc sắp xếp ĐVHC cấp xã của tỉnh An Giang giai đoạn 2023 - 2025.

2. Tỉnh Kiên Giang

Kiên Giang có lịch sử lâu dài, gắn liền với quá trình hình thành và phát triển của Vùng đất Tây Nam Bộ: Qua tài liệu lịch sử, năm 1708, Chúa Nguyễn Phúc Chu thành lập trấn Hà Tiên, phong cho Mạc Cửu làm Tổng binh. Năm 1739, đạo Kiên Giang và đạo Long Xuyên (đạo là ĐVHC dưới cấp trấn) được thành lập để bảo vệ trấn Hà Tiên. Đến năm 1752, thành lập huyện Kiên Giang, huyện Long Xuyên, Trấn Giang và Trấn Di (tên gọi Kiên Giang lần đầu xuất hiện với tư cách là một huyện, mà địa giới là một phần của tỉnh Kiên Giang hiện nay); huyện Long Xuyên lúc bấy giờ là Cà Mau hiện nay, Trấn Giang là Cần Thơ, Trấn Di là Bạc Liêu (bốn ĐVHC này thuộc trấn Hà Tiên). Đến năm 1832, dưới triều vua Minh Mạng, trấn Hà Tiên được chia thành tỉnh Hà Tiên và tỉnh An Giang. Qua nhiều lần

chia tách, sáp nhập, đổi tên gọi, đến tháng 10/1956, chính quyền Ngô Đình Diệm sáp nhập tỉnh Hà Tiên vào tỉnh Rạch Giá, đổi tên thành tỉnh Kiên Giang (tồn tại đến 30/4/1975). Sau giải phóng miền Nam, theo Nghị quyết số 245-NQ/TW, ngày 20/9/1975 của Trung ương, tháng 3/1976, 3 huyện Hà Tiên, Phú Quốc, Châu Thành A từ tỉnh Long Châu Hà được nhập vào tỉnh Rạch Giá đổi tên thành tỉnh Kiên Giang cho đến ngày nay.

Như vậy, Kiên Giang hiện nay là tỉnh kế thừa lịch sử của trấn Hà Tiên xưa (tháng 8 năm Mậu Tý 1708) với bề dày lịch sử 316 năm. Thuật ngữ Kiên Giang có lịch sử 285 năm được sử dụng làm tên gọi ĐVHC cho vùng đất Tây Nam của Tổ quốc. Kiên Giang gắn liền với lịch sử, văn hóa của nước ta với nhiều di tích lịch sử - văn hóa nổi tiếng, như: Lăng Mạc Cửu, Đền thờ Anh hùng Dân tộc Nguyễn Trung Trực, Tao đàn Chiêu Anh Các, Di tích lịch sử Quốc gia đặc biệt Trại giam Phú Quốc,... trong đó nhiều địa danh đã đi vào thơ ca, văn học của Đất nước và quốc tế.

Có 49,67 km đường biên giới trên bộ giáp 02 tỉnh Takeo và KamPot, Vương quốc Campuchia với 02 cửa khẩu (01 cửa khẩu quốc tế Hà Tiên, 01 cửa khẩu chính Giang Thành); hơn 200 km bờ biển từ rạch Tiểu Dừa (An Minh giáp tỉnh Cà Mau) đến tận biên giới Việt Nam - Campuchia (Hà Tiên), với vùng biển rộng hơn 63.000 km²; , trong đó khoảng 16.000 km² vùng nước lịch sử chưa phân định giữa Việt Nam và Vương quốc Campuchia, tiếp giáp với vùng lãnh hải quốc tế; có hơn 140 đảo (trong đó, có trên 43 đảo có dân sinh sống). Điều này đã được thể hiện rõ trên bản đồ thế giới và bản đồ khu vực Đông Nam Á; lâu nay các nước trên thế giới đã công nhận vùng biển, đảo phía Tây Nam của Tổ quốc thuộc tỉnh Kiên Giang, chủ quyền của Nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Kiên Giang đã ký kết thỏa thuận quốc tế với 12 địa phương của 06 quốc gia, hợp tác/hoạt động thương mại với 50 thị trường các quốc gia và vùng lãnh thổ. Du lịch Kiên Giang đang trên đà phát triển mạnh, năm 2024 thu hút hơn 9,8 triệu lượt khách du lịch, trong đó đón gần 01 triệu lượt du khách đến từ 150 quốc gia, vùng lãnh thổ; đặc biệt là đảo Phú Quốc thuộc tỉnh Kiên Giang đã khẳng định được thương hiệu, uy tín trên bản đồ du lịch thế giới.

2.1. Giai đoạn 1945 - 1975

Sau Cách mạng Tháng Tám 1945, Ủy ban Kháng chiến Hành chính Nam Bộ chủ trương bỏ cấp tổng, bỏ đơn vị làng, thống nhất gọi là xã, đồng thời bỏ danh xưng quận, gọi thay thế bằng huyện. Lúc bấy giờ, tỉnh Rạch Giá và tỉnh Hà Tiên nằm trong 21 tỉnh ở Nam bộ.

Năm 1951, chính quyền Việt Minh quyết định giải thể tỉnh Rạch Giá, nhập vào các tỉnh Bạc Liêu, Cần Thơ và Sóc Trăng. Trong đó, thị xã Rạch Giá và các huyện Châu Thành, Long Mỹ, Gò Quao, Giồng Riềng được giao về cho tỉnh Cần Thơ, các huyện Hồng Dân và An Biên được giao về cho tỉnh Bạc Liêu, một phần nhỏ đất đai tỉnh Rạch Giá cũng được giao về cho tỉnh Sóc Trăng.

Đến năm 1954, chính quyền Việt Minh quyết định thành lập lại tỉnh Rạch Giá. Tháng 10/1954, các huyện Hồng Dân và Long Mỹ cũng trở lại thuộc tỉnh Rạch Giá.

Sau năm 1956, chính quyền Cách mạng quyết định giao huyện Hồng Dân cho tỉnh Sóc Trăng và giao huyện Long Mỹ cho tỉnh Cần Thơ. Song song đó, tỉnh Hà Tiên cũng bị giải thể giống như tỉnh Rạch Giá. Tháng 10/1950, chính quyền Việt Minh quyết định thành lập tỉnh Long Châu Hà trên cơ sở hợp nhất tỉnh Hà Tiên với tỉnh Long Châu Hậu (bao gồm một phần tỉnh Châu Đốc và một phần tỉnh Long Xuyên cũ). Tỉnh Long Châu Hà tồn tại cho đến năm 1954 thì cũng bị giải thể, phân chia lại cho tỉnh Hà Tiên, tỉnh Châu Đốc và tỉnh Long Xuyên như cũ. Như vậy, sau năm 1954, tỉnh Rạch Giá và tỉnh Hà Tiên đều được khôi phục trở lại như cũ.

Năm 1964, chính quyền Cách mạng thành lập huyện Vĩnh Thuận trên cơ sở tách ra từ huyện An Biên. Huyện Vĩnh Thuận thuộc tỉnh Rạch Giá có địa giới hành chính trùng với quận Kiên Long thuộc tỉnh Kiên Giang của chính quyền Việt Nam Cộng hòa. Năm 1965, giao huyện Hà Tiên và huyện Phú Quốc cho tỉnh An Giang. Năm 1967 trả lại hai huyện Hà Tiên và Phú Quốc về cho tỉnh Rạch Giá. Năm 1971 khi Trung ương Cục miền Nam quyết định thành lập tỉnh Châu Hà, tách ra từ tỉnh An Giang, trên phần đất tỉnh Châu Đốc và tỉnh Hà Tiên trước đó thì huyện Hà Tiên, huyện Phú Quốc cùng với huyện Châu Thành A của tỉnh Rạch Giá được giao về cho tỉnh Châu Hà. Năm 1974, ba huyện này cùng thuộc tỉnh Long Châu Hà. Từ đó cho đến năm 1975, tỉnh Rạch Giá có thị xã Rạch Giá và các huyện: Châu Thành, Gò Quao, Giồng Riềng, An Biên, Tân Hiệp, Vĩnh Thuận.

2.2. Giai đoạn 1975 - 1997

Sau ngày 30/4/1975, chính quyền Quân quản Cộng hòa miền Nam Việt Nam ban đầu vẫn duy trì tỉnh Rạch Giá như trước đó cho đến đầu năm 1976. Lúc này, chính quyền Cách mạng cũng bỏ danh xưng “quận” có từ thời Pháp thuộc và lấy danh xưng “huyện” (quận và phường dành cho các ĐVHC tương đương khi đã đô thị hóa). Ngày 20/9/1975, Bộ Chính trị ra Nghị quyết số 245-NQ/TW về việc bỏ khu, hợp tỉnh trong toàn quốc. Theo Nghị quyết này, địa bàn tỉnh Rạch Giá sẽ được chia ra và nhập vào các tỉnh mới, tên gọi tỉnh mới cùng với nơi đặt tỉnh lỵ sẽ do địa phương đề nghị lên. Cụ thể như sau:

- Tỉnh Cà Mau, tỉnh Bạc Liêu và hai huyện Vĩnh Thuận, An Biên (ngoại trừ 2 xã Đông Yên và Tây Yên) của tỉnh Rạch Giá sẽ hợp nhất lại thành một tỉnh.

- Phần còn lại của tỉnh Rạch Giá cùng với toàn bộ diện tích tỉnh Long Châu Hà và huyện Thốt Nốt của tỉnh Cần Thơ sẽ hợp nhất lại thành một tỉnh.

Đến ngày 20/12/1975, Bộ Chính trị ra Nghị quyết số 19/NQ điều chỉnh lại việc hợp nhất tỉnh ở miền Nam Việt Nam cho sát với tình hình thực tế, theo đó tỉnh Rạch Giá cũ (bao gồm cả ba huyện Hà Tiên, Phú Quốc, Châu Thành A cùng thuộc tỉnh Long Châu Hà) vẫn để thành một tỉnh riêng biệt.

Tháng 02/1976, Chính phủ Việt Nam quyết định tái lập tỉnh Kiên Giang trên cơ sở toàn bộ diện tích tỉnh Rạch Giá và ba huyện: Châu Thành A, Hà Tiên, Phú Quốc vốn thuộc tỉnh Long Châu Hà trước đó. Lúc này, huyện Châu Thành A bị giải thể và nhập trở lại vào huyện Châu Thành như trước. Tỉnh Kiên Giang lúc đó gồm thị xã Rạch Giá và 08 huyện: An Biên, Châu Thành, Giồng Riềng, Gò Quao, Hà Tiên, Phú Quốc, Tân Hiệp, Vĩnh Thuận. Tỉnh lỵ là thị xã Rạch Giá.

Ngày 03/6/1978, Hội đồng Chính phủ ban hành Quyết định số 125-CP về việc chia huyện Châu Thành thuộc tỉnh Kiên Giang thành hai huyện lấy tên là huyện Hòn Đất và huyện Châu Thành thuộc tỉnh Kiên Giang.

Ngày 14/01/1983, Hội đồng Bộ trưởng ban hành Quyết định số 04-HĐBT về việc thành lập huyện Kiên Hải thuộc tỉnh Kiên Giang. Ngày 13/01/1986, Hội đồng Bộ trưởng ban hành Quyết định số 07-HĐBT về việc chia huyện An Biên thuộc tỉnh Kiên Giang thành hai huyện lấy tên là huyện An Biên và huyện An Minh.

2.3. Giai đoạn 1997 - 2018

Ngày 08/7/1998, Chính phủ ban hành Nghị định số 47/1998/NĐ-CP về việc thành lập thị xã Hà Tiên và thành lập các phường thuộc thị xã Hà Tiên, tỉnh Kiên Giang. Theo đó, thành lập thị xã Hà Tiên trên cơ sở toàn bộ diện tích và dân số của thị trấn Hà Tiên, xã Thuận Yên, xã Mỹ Đức và xã Tiên Hải thuộc huyện Hà Tiên; phần còn lại của huyện Hà Tiên vẫn là một huyện thuộc tỉnh Kiên Giang. Đến ngày 21/4/1999, Chính phủ ban hành Nghị định số 28/1999/NĐ-CP về việc đổi tên huyện Hà Tiên thành huyện Kiên Lương thuộc tỉnh Kiên Giang.

Ngày 26/7/2005, Chính phủ ban hành Nghị định số 97/2005/NĐ-CP về việc thành lập thành phố Rạch Giá thuộc tỉnh Kiên Giang trên cơ sở toàn bộ diện tích tự nhiên, dân số của thị xã Rạch Giá. Ngày 06/4/2007, Chính phủ ban hành Nghị định số 58/2007/NĐ-CP về việc điều chỉnh địa giới hành chính huyện; thành lập huyện U Minh Thượng và thành lập xã thuộc các huyện Vĩnh Thuận, Kiên Lương và Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang.

Ngày 29/6/2009, Chính phủ ban hành Nghị quyết số 29/NQ-CP về việc điều chỉnh địa giới hành chính xã, phường, thành lập xã thuộc thị xã Hà Tiên và các huyện: Kiên Lương, Tân Hiệp, Giồng Riềng, Vĩnh Thuận; điều chỉnh địa giới hành chính huyện Kiên Lương để thành lập huyện Giang Thành, tỉnh Kiên Giang. Ngày 11/9/2018, Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành Nghị quyết số 573/NQ-UBTVQH14 về việc thành lập phường Mỹ Đức thuộc thị xã Hà Tiên và thành phố Hà Tiên thuộc tỉnh Kiên Giang.

2.4. Giai đoạn từ năm 2019 đến nay

Ngày 09/12/2020, Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành Nghị quyết số 1109/NQ-UBTVQH14 về việc thành lập thành phố Phú Quốc và các phường thuộc thành phố Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang.

Ngày 24/10/2024, Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành Nghị quyết số 1247/NQ-UBTVQH14 về việc sắp xếp ĐVHC cấp xã của tỉnh Kiên Giang giai đoạn 2023 - 2025.

II. HIỆN TRẠNG ĐVHC CẤP TỈNH THỰC HIỆN SẮP XẾP

1. Tỉnh An Giang

1.1. Vị trí địa lý

Tỉnh An Giang nằm ở phía Tây Nam của Việt Nam, thuộc vùng đồng bằng sông Cửu Long. Có địa giới hành chính cụ thể như sau:

- Phía Đông giáp tỉnh Đồng Tháp;
- Phía Tây giáp tỉnh Kiên Giang và Vương quốc Campuchia;
- Phía Nam giáp thành phố Cần Thơ và tỉnh Kiên Giang;
- Phía Bắc giáp tỉnh Đồng Tháp và Vương quốc Campuchia.

1.2. Diện tích tự nhiên, quy mô dân số và số ĐVHC trực thuộc

a) Diện tích: 3.536,83 km².

b) Quy mô dân số: 2.741.851 người.

c) Số ĐVHC trực thuộc: Tỉnh An Giang hiện có 11 ĐVHC cấp huyện (02 thành phố, 02 thị xã, 07 huyện) và 155 ĐVHC cấp xã (gồm 110 xã, 27 phường, 18 thị trấn).

1.3. Chức năng, vai trò

Quy hoạch tỉnh An Giang thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 được phê duyệt tại Quyết định số 1369/QĐ-TTg ngày 15/11/2023 của Thủ tướng Chính phủ xác định: Đến năm 2030, An Giang là tỉnh phát triển khá trong vùng đồng bằng sông Cửu Long; có kinh tế phát triển năng động, hài hòa và bền vững; là trung tâm nghiên cứu phát triển giống và sản xuất nông nghiệp, thủy sản, dược liệu ứng dụng công nghệ cao; trung tâm du lịch sinh thái của vùng; đầu mối giao thương, hợp tác với Vương quốc Campuchia; có hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội đồng bộ, thích ứng với biến đổi khí hậu; các giá trị văn hóa truyền thống được bảo tồn và phát huy; quốc phòng, an ninh được giữ vững; trật tự an toàn xã hội ổn định; an sinh xã hội được bảo đảm, đời sống của người dân được ấm no, hạnh phúc. Trong đó, thành phố Long Xuyên giữ vai trò là đô thị hạt nhân của tỉnh, là động lực phát triển kinh tế - xã hội trong vùng tỉnh An Giang, vùng đồng bằng sông Cửu Long, vùng kinh tế trọng điểm của vùng đồng bằng sông Cửu Long. Cụ thể hóa chiến lược phát triển kinh tế - xã hội tỉnh An Giang đến năm 2035; có nền kinh tế đa dạng bền vững, là trung tâm hành chính - chính trị, văn hóa, dịch vụ của tỉnh An Giang, có sức hấp dẫn lớn về môi trường đầu tư, có tính cạnh tranh cao trên một số lĩnh vực thương mại, dịch vụ; phát triển bền vững, hài hòa với môi trường. Hoàn thiện và nâng cao chất lượng và thẩm mỹ kiến trúc cảnh quan đô thị, hướng tới đô thị xanh, sạch, đẹp hài hòa cảnh quan thiên nhiên. Quy hoạch thành phố Long Xuyên trở thành đô thị nước thông minh, gắn bó chặt chẽ với nước, bảo tồn bản sắc đặc trưng của đô thị nước, chung sống với nước và thích ứng với biến đổi khí hậu, nước biển dâng. Phát triển hệ thống hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội hướng tới đạt chất lượng theo tiêu chí đô thị loại I.

1.4. Tình hình phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh

a) Tăng trưởng kinh tế

- Tổng sản phẩm trên địa bàn (GRDP) ước năm 2024 tăng 7,16% so cùng kỳ năm trước (cùng kỳ năm 2023 tăng 6,14%). Trong mức tăng chung thì khu vực I tăng 3,67% (cùng kỳ năm 2023 tăng 4,31%); khu vực II tăng 12,73% (cùng kỳ

năm 2023 tăng 10,04%); khu vực III tăng 8,34% (cùng kỳ 6,52%); thuế sản phẩm trừ trợ giá sản phẩm tăng 2,51% so cùng kỳ.

Tăng trưởng năm 2024 của tỉnh An Giang xếp thứ 5 vùng Đồng bằng sông Cửu Long và xếp thứ 38 cả nước. Về quy mô GRDP của tỉnh đạt 126.770.855 triệu đồng, xếp thứ 5 vùng Đồng bằng sông Cửu Long (sau các tỉnh: Long An, Tiền Giang, Cần Thơ, Kiên Giang). Thu nhập bình quân đầu người đạt 50,00 triệu đồng/người/năm.

- Về cơ cấu kinh tế đầu năm 2024, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản chiếm tỷ trọng 35,6%; khu vực công nghiệp và xây dựng chiếm 15,80%; khu vực dịch vụ chiếm 45,29%; thuế sản phẩm trừ trợ giá sản phẩm chiếm 3,31%.

b) Thu - chi ngân sách

Năm 2024, tổng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh ước đạt 8.412 tỷ đồng, vượt 17% dự toán, tăng 10,63% so với năm 2023; tổng chi ngân sách nhà nước đạt 19.945 tỷ đồng, đạt 96,51% dự toán, tăng 20,07% so với năm 2023.

c) Đầu tư xây dựng

Năm 2024, các công trình đầu tư công, dự án phục vụ sản xuất kinh doanh, công trình nhà ở trong dân cư tiếp tục được xây mới, sửa chữa. Hoạt động xây dựng tăng trưởng ổn định và có mức độ tăng trưởng cao. Một số công trình trọng điểm đã hoàn thành đưa vào sử dụng trong năm 2024 góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế xã hội trên địa bàn tỉnh, như: Cầu Châu Đốc thuộc dự án xây dựng tuyến đường liên kết vùng đoạn từ thị xã Tân Châu đến thành phố Châu Đốc, kết nối với tỉnh Kiên Giang và Đồng Tháp, công trình này có ý nghĩa đặc biệt quan trọng, góp phần thông tuyến quốc lộ N1, kết nối theo trục ngang của các tỉnh Tây Nam bộ nằm trên trục hành lang biên giới các tỉnh: Long An - Đồng Tháp - An Giang - Kiên Giang; đường tránh thành phố Long Xuyên, có vốn đầu tư 2.107 tỉ đồng, dự án góp phần rất lớn trong việc đảm bảo trật tự an toàn giao thông, giải tỏa sự ùn tắc giao thông đối với tuyến quốc lộ 91 đoạn qua nội ô thành phố Long Xuyên, tạo thuận lợi cho việc lưu thông, vận chuyển hàng hóa; mặt khác, dự án còn có ý nghĩa quan trọng trong việc phát triển, mở rộng không gian đô thị cho thành phố Long Xuyên, là đòn bẩy thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, mời gọi đầu tư của tỉnh trong thời gian tới.

Tổng vốn đầu tư thực hiện trên địa bàn tỉnh năm 2024 ước đạt 47.890 tỷ đồng, tăng 21,98% so năm trước, chia ra: Vốn ngân sách Nhà nước (Trung ương và địa phương) là 10.798,3 tỷ đồng (chiếm 49,77% tổng vốn đầu tư trên địa bàn), tăng 10,60% so năm trước; vốn khu vực ngoài Nhà nước (doanh nghiệp trong nước và hộ dân cư) thực hiện đạt 10.741 tỷ đồng (chiếm 49,51% tổng vốn đầu tư trên địa bàn), tăng 15,78% so năm trước; vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài hơn 156,3 tỷ đồng (chiếm 0,72% tổng số nguồn vốn trên địa bàn), giảm 34,28% so năm trước.

Một số công trình trọng điểm như: Dự án xây dựng tuyến đường liên kết vùng; dự án thành phần 1 đường cao tốc Châu Đốc - Cần Thơ - Sóc Trăng (giai đoạn 1); Mở rộng nâng cấp tuyến Đường tỉnh 949 (TX. Tịnh Biên, chiều dài 18,7

km); Nâng cấp mở rộng khẩn cấp Đường tỉnh 948 (nối Tri Tôn - Tịnh Biên, chiều dài 16,3 km); công trình trường tiểu học thuộc các xã Thạnh Mỹ Tây, Khánh Hòa, Mỹ Phú - huyện Châu Phú;...

Tiến độ giải ngân vốn đầu tư công: Tính đến hết tháng 01 năm 2025 đã giải ngân (bao gồm vốn kéo dài) là 8.225,3 tỷ đồng/9.834,5 tỷ đồng, đạt 83,64%, cụ thể: Kế hoạch năm 2023 kéo dài thời hạn thanh toán sang năm 2024 là 283,3 tỷ đồng/641,2 tỷ đồng, đạt 44,19%. Thanh toán vốn kế hoạch năm 2024 là 7.941,9 tỷ đồng/9.193,3 tỷ đồng, đạt 86,39% so với dự toán Hội đồng nhân dân tỉnh giao và đạt 91,71% so với dự toán Thủ tướng Chính phủ giao (7.941,9 tỷ đồng/8.660,2 tỷ đồng),...

d) Tình hình hoạt động của doanh nghiệp

Trong năm 2024, ước 1.056 doanh nghiệp đăng ký hoạt động mới, tăng 9,34% so cùng kỳ. Tổng số vốn đưa vào nền kinh tế năm 2024 là 8.113 tỷ đồng; số doanh nghiệp giải thể là 212 doanh nghiệp, tăng 26,19% so với cùng kỳ.

đ) Sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản

Nông nghiệp tiếp tục giữ vững vai trò là trụ đỡ của nền kinh tế, không ngừng nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh. Chuyển dịch cơ cấu sản xuất gieo trồng nếp và các giống lúa chất lượng đạt 309,9 ngàn ha (+20,6 ngàn ha) với nông nghiệp được đẩy mạnh theo hướng phát huy lợi thế của từng vùng, từng địa phương, vừa đảm bảo an ninh lương thực quốc gia, vừa đáp ứng nhu cầu tiêu thụ trong nước và xuất khẩu. Trong năm ngành nông nghiệp mặc dù năng suất lúa bình quân chung có giảm 0,19 tạ/ha so cùng kỳ nhưng do diện tích gieo trồng tăng (+2.380 ha) so cùng kỳ, sản lượng lúa cả năm ước đạt 4,071 triệu tấn (+3,7 ngàn tấn), trong đó diện tích sản lượng đạt hơn 2,1 triệu tấn, tăng 131,5 ngàn tấn) và sản lượng cây lâu năm đạt 358 ngàn tấn, tăng 9,4%; ngành khai thác và nuôi trồng thủy sản có mức tăng cao 7,84% với sản lượng thu hoạch đạt 702 ngàn tấn, tăng 7,18% (+47 ngàn tấn) so cùng kỳ.

Toàn tỉnh đã xây dựng và phát triển mô hình chuỗi cung ứng nông lâm thủy sản an toàn với các chuỗi cung cấp thực phẩm an toàn theo VietGAP; hình thành vùng sản xuất chuyên canh, tập trung quy mô lớn đối với các sản phẩm chủ lực của tỉnh (thủy sản, trái cây, rau màu, lúa, nếp) gắn với liên kết, tiêu thụ theo chuỗi giá trị nông sản, đảm bảo chất lượng và nhu cầu thị trường.

Năm 2024, tỉnh đã triển khai thực hiện Đề án phát triển bền vững một triệu hecta chuyên canh lúa chất lượng cao và phát thải thấp gắn với tăng trưởng xanh vùng ĐBSCL đến năm 2030 được 1.117 ha mô hình. Toàn tỉnh đã có 165 sản phẩm đạt chứng nhận OCOP từ 03 sao trở lên. Đặc biệt, 02 sản phẩm OCOP 04 sao của An Giang được chọn là 02 trong số 23 sản phẩm OCOP tiêu biểu tại Hội thi sản phẩm OCOP tiêu biểu vùng ĐBSCL.

Từ đầu năm đến nay, tỉnh An Giang đã ban hành Quyết định công nhận 05 xã nông thôn mới, 05 xã nông thôn mới nâng cao, 02 xã nông thôn mới kiểu mẫu. Vừa qua, Thủ tướng Chính phủ đã công nhận huyện Thoại Sơn là huyện nông thôn mới nâng cao tại Quyết định số 750/QĐ-TTg ngày 01/8/2024.

e) Sản xuất công nghiệp

Phát huy hiệu quả giải pháp thúc đẩy phát triển kinh tế xã hội năm 2024 đã được các ngành, các cấp triển khai thời gian qua, sản xuất công nghiệp trên địa bàn tỉnh giữ nhịp độ tăng trưởng, đặc biệt ngành hàng may mặc, da giày có thêm nhiều đơn đặt hàng mới, doanh nghiệp đẩy mạnh sản xuất, nhu cầu tuyển dụng lao động tăng cao, công nhân phải tăng ca, tăng giờ làm và doanh nghiệp có nhiều chính sách phúc lợi vừa khuyến khích tinh thần và tăng thu nhập cho người lao động. Ước chỉ số sản xuất ngành công nghiệp (IIP) tăng 10,42% so năm trước, trong đó: ngành công nghiệp chế biến, chế tạo tăng 11,84%; ngành sản xuất và phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hòa không khí tăng 7,30%; ngành cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải tăng 8,60%; riêng ngành khai khoáng giảm 2,90% (nguyên nhân do một số mỏ đá hết thời hạn, tạm ngừng khai thác, đang làm thủ tục để được cấp phép khai thác đá trong thời gian tới). Chỉ số tiêu thụ toàn ngành công nghiệp chế biến, chế tạo năm 2024 tăng 5,35% so năm trước. Chỉ số sử dụng lao động của doanh nghiệp công nghiệp năm 2024 tăng 7,73% so năm trước, trong đó: ngành công nghiệp chế biến, chế tạo tăng 6,95%; ngành sản xuất và phân phối điện tăng 7,61%; ngành cung cấp nước tăng 1,99% so năm trước.

g) Thương mại, dịch vụ và du lịch

Năm 2024 kinh tế của tỉnh đạt được nhiều kết quả tích cực, doanh thu hoạt động thương mại, dịch vụ tăng cao so cùng kỳ. Nhiều sự kiện, lễ hội, hoạt động văn hóa được tổ chức, kích cầu tiêu dùng và du lịch của người dân như: tham gia trưng bày, giới thiệu, quảng bá hình ảnh sản phẩm đặc thù, sản phẩm OCOP, sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu của tỉnh đến Hội chợ các tỉnh phía Nam tại TP. Phú Quốc, Kiên Giang; Hội chợ Thương mại - Triển lãm sản phẩm OCOP tỉnh Bạc Liêu và Hội nghị kết nối cung - cầu sản phẩm OCOP tỉnh Bạc Liêu; Hội chợ Công nghiệp, Thương mại vùng ĐBSCL - Tiền Giang; Hội chợ đặc sản vùng miền và sản phẩm tiêu biểu các tỉnh, thành phố vùng Đông Nam bộ - Tây Ninh. Bên cạnh đó, các ngành chức năng cũng thường xuyên theo dõi và phối hợp với các doanh nghiệp phân phối trong việc chủ động nguồn hàng, không để xảy ra tình trạng thiếu, khan hàng, tăng giá, đảm bảo hàng hóa dồi dào đáp ứng nhu cầu của người dân,...

An Giang có nhiều danh lam thắng cảnh, ẩm thực đa dạng, luôn là điểm đến hấp dẫn của du khách trong và ngoài nước. Ngành du lịch An Giang đang nỗ lực đa dạng hóa sản phẩm, khai thác lợi thế sẵn có, tập trung phát triển du lịch tâm linh, du lịch sinh thái kết hợp trải nghiệm, nghỉ dưỡng... An Giang hiện có 100 cơ sở lưu trú du lịch, trong đó có 67 cơ sở được xếp hạng (1 khách sạn 4 sao, 6 khách sạn 3 sao, 9 khách sạn 2 sao, 21 khách sạn 1 sao và 30 cơ sở đủ điều kiện tối thiểu về cơ sở vật chất kỹ thuật, dịch vụ phục vụ khách du lịch); 26 công ty lữ hành (9 công ty lữ hành nội địa, 16 công ty lữ hành quốc tế, 1 văn phòng đại diện); 6 khu, điểm du lịch được công nhận (1 khu du lịch quốc gia, 1 khu du lịch cấp tỉnh và 4 điểm du lịch); 1 cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống đạt tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch. Ước cả năm 2024, có khoảng 9,1 triệu lượt khách du lịch đến tham quan, tăng

7,06% so cùng kỳ. Ước doanh thu bán buôn, bán lẻ hàng hóa, dịch vụ năm 2024 đạt 228.275,4 tỷ đồng, tăng 15,31% so năm trước.

h) Một số tình hình xã hội

- Lao động, việc làm và đào tạo nghề:

Năm 2024 ước tính tỷ lệ thiếu việc làm, thất nghiệp so với lực lượng lao động là 2,69%, giảm 0,66% so cùng kỳ năm 2023. Thị trường lao động chưa thật sự ổn định, người lao động với trình độ, kỹ năng nghề hạn chế, nguồn nhân lực có kỹ năng nghề chưa đáp ứng được yêu cầu phát triển của thị trường lao động, nên công tác tuyển dụng của doanh nghiệp gặp nhiều khó khăn. Để giúp người lao động có thêm cơ hội tìm kiếm việc làm, giảm dần tỷ lệ thất nghiệp, địa phương tăng cường tuyên truyền, đa dạng hóa các loại hình, ngành nghề đào tạo, nhằm nâng cao chất lượng lao động, đảm bảo phù hợp với tình hình, điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, đáp ứng nhu cầu thị trường lao động trong, ngoài nước.

Tuyển sinh đào tạo nghề nghiệp 21.222 người, đạt tỷ lệ 106,11% kế hoạch năm (gồm: cao đẳng 1.437 sinh viên, trung cấp 3.166 học sinh, sơ cấp 9.806 học viên, dưới 3 tháng 6.813 học viên). Trong đó: thực hiện hỗ trợ đào tạo nghề cho lao động thuộc 03 CTMTQG tổ chức 103 lớp với 3.076 học viên, kinh phí hơn 3.141 triệu đồng; thực hiện chính sách hỗ trợ học nghề cho lao động tham gia BHTN là 316 học viên với số tiền khoảng 1.248 triệu đồng; thực hiện chính sách hỗ trợ học nghề cho thanh niên hoàn thành nghĩa vụ là 899 học viên với nhu cầu kinh phí 23.584 triệu đồng. Tổng số HSSV, học viên tốt nghiệp 16.338 người, đạt tỷ lệ 108,92% kế hoạch năm (gồm: cao đẳng: 731 sinh viên; trung cấp 1.026 học sinh, sơ cấp và dưới 3 tháng 14.581 học viên); số HSSV, học viên sau khi tốt nghiệp có việc làm khoảng 13.805 người (tỷ lệ 84,63%). Góp phần nâng cao tỷ lệ qua đào tạo 72% (vượt kế hoạch 0,7%), tỷ lệ lao động qua đào tạo có văn bằng, chứng chỉ 30,9% (vượt kế hoạch 0,9%).

Thông qua công tác đào tạo nghề; tổ chức ngày Hội việc làm, các cụm (điểm) tư vấn, giới thiệu việc làm; Chương trình tín dụng chính sách xã hội và Chương trình MTQG GNBV,... đã giải quyết việc làm mới cho 35.920 lao động. Trong đó đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng 752 lao động đạt 150,4% theo kế hoạch năm 2024. Trợ cấp thất nghiệp cho 19.004 trường hợp (ngoài tỉnh 12.058 trường hợp), với tổng số tiền chi trả là 350.756 triệu đồng; lao động đang hưởng TCTN có việc làm trở lại làm việc 759 lao động (trong đó: lao động trong tỉnh 363, lao động ngoài tỉnh 396 lao động). Cấp giấy phép cho 89 trường hợp lao động nước ngoài (trong đó: cấp mới 47 GPLĐ, cấp lại 07 GPLĐ, gia hạn 35 GPLĐ). Tổng số LĐNN làm việc trên địa bàn tỉnh là 150 lao động, đạt tỷ lệ 104,2% so năm 2023 (trong đó, số LĐNN làm việc trong các khu công nghiệp là 99 lao động).

- Giáo dục: Cùng với hệ thống giải pháp đồng bộ triển khai Chương trình hành động số 05-CTr/TU của Tỉnh ủy về thực hiện nhiệm vụ đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, từng bước hình thành được tiền đề quan trọng nâng cao chất lượng nguồn nhân lực của tỉnh: nâng chất vững chắc kết quả phổ cập giáo dục

từ mầm non đến cấp trung học cơ sở; chất lượng giáo dục phổ thông được khẳng định qua kết quả học thật, thi thật, duy trì vị trí dẫn đầu trong các tỉnh cùng khu vực. Tính đến cuối năm 2024, tỷ lệ trường học đạt chuẩn quốc gia đạt 53,97% (vượt kế hoạch đề ra).

- Văn hóa, thể thao:

Phát huy giá trị và sức mạnh văn hóa, con người An Giang. Đề cao tính tiên phong, gương mẫu trong văn hóa ứng xử của người lãnh đạo, cán bộ, đảng viên trong các cơ quan, đơn vị. Xây dựng môi trường văn hóa toàn diện ở gia đình, nhà trường, cộng đồng dân cư, trong các cơ quan Đảng, Nhà nước, đoàn thể, doanh nghiệp để văn hóa thực sự là động lực, soi đường phát triển kinh tế - xã hội, hội nhập quốc tế. Đẩy mạnh phát triển sự nghiệp thể dục, thể thao toàn dân, ngày càng đi vào chiều sâu để tăng cường sức khỏe Nhân dân, làm cơ sở cho phát triển thể dục, thể thao thành tích cao, kết quả: tỷ lệ người tập luyện thể dục thể thao thường xuyên đạt 39,6%, tỷ lệ gia đình thể thao đạt 36,9%.

Nhiều giá trị văn hóa truyền thống và di sản văn hóa được chú trọng bảo tồn và phát huy, trong nhiệm kỳ đã có thêm 05 di tích cấp tỉnh, 05 di sản văn hóa phi vật thể quốc gia, đặc biệt là năm 2024, “Lễ hội Vía Bà Chúa Xứ Núi Sam” đã được UNESCO ghi danh là di sản văn hóa phi vật thể đại diện của nhân loại, đây là niềm tự hào của Đảng bộ, chính quyền và Nhân dân tỉnh An Giang. Hiện nay, tỉnh đang phối hợp Viện Hàn lâm Khoa học Xã hội Việt Nam lập hồ sơ, thủ tục trình UNESCO công nhận Di tích văn hóa Óc Eo - Ba Thê là Di sản văn hóa nhân loại.

Tiếp tục thực hiện Cuộc vận động “Toàn dân rèn luyện thân thể theo gương Bác Hồ vĩ đại”, phong trào TDTT quần chúng tỉnh An Giang tiếp tục phát triển, gắn với Phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” và Cuộc vận động Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh”, thu hút đông đảo các tầng lớp nhân dân tham gia, góp phần nâng cao sức khỏe của người dân. Năm 2024, tỷ lệ người tập luyện thể dục thể thao thường xuyên trên địa bàn tỉnh đạt 39,6% (tăng 0,4% so với cùng kỳ, đạt 100% kế hoạch); tỷ lệ hộ đạt tiêu chuẩn gia đình thể thao đạt 36,9% (tăng 0,6% so với cùng kỳ, đạt 100% kế hoạch); tỷ lệ CNVC-LĐ tham gia tập luyện TDTT thường xuyên đạt 84,34%; 57 câu lạc bộ TDTT mới thành lập (tăng 2,35% so với cùng kỳ); tỷ lệ chiến sĩ công an và chiến sĩ quân đội rèn luyện thân thể đạt tiêu chuẩn trong độ tuổi quy định lần lượt đạt 99,73% và 99,73%; 100% số trường có giờ TDTT nội khóa, 87,03% số trường có giờ TDTT ngoại khóa.

Thể thao thành tích cao: Trung tâm Đào tạo, Huấn luyện và Thi đấu Thể dục thể thao đang tập trung đào tạo, huấn luyện 545 vận động viên tại 17 môn thể thao (147 vận động viên đội tuyển, 145 vận động viên đội trẻ, 253 vận động viên năng khiếu); tiếp tục đầu tư 10 lớp năng khiếu trọng điểm tại các môn: Điền kinh, Xe đạp, Bơi lội. Cục Thể dục thể thao đã tập trung đội tuyển trẻ thể thao quốc gia năm 2024 tại các môn: Karate, Điền kinh, Boxing, Bơi lội, Đua thuyền, Pencak Silat, Cử tạ, Xe đạp địa hình, Xe đạp đường trường, Thể hình-Fitness, Bắn cung, Bóng đá. Các đội tuyển thể thao thành tích cao đã cử trên 150 lượt huấn luyện viên, 27 lượt chuyên gia và 900 lượt vận động viên tham gia thi đấu tại các giải thể thao trong hệ thống thi

đầu quốc gia và quốc tế. Năm 2024, có 02 vận động viên của An Giang xuất sắc giành 02/16 suất của Việt Nam chính thức tham dự Olympic Paris 2024.

- Y tế và chăm sóc sức khỏe Nhân dân tiếp tục được ưu tiên hàng đầu:

Mạng lưới y tế tiếp tục được củng cố, hoàn thiện và phát triển theo định hướng chuyên khoa hóa tuyến tỉnh và y tế phổ cập tại tuyến cơ sở. Thực hiện đạt 03/03 chỉ tiêu Nghị quyết Đại hội đề ra. Cơ sở vật chất được đầu tư xây mới, nâng cấp, cải tạo, thiết bị y tế từ tuyến tỉnh đến tuyến y tế cơ sở. Chủ động triển khai thực hiện tốt công tác y tế dự phòng, hạn chế tối đa số trường hợp mắc và tử vong, đồng thời ngăn chặn các dịch bệnh mới nổi có nguy cơ phát sinh trên địa bàn tỉnh. Thực hiện hiệu quả các hoạt động thuộc Chương trình mục tiêu Y tế - Dân số từ nguồn ngân sách địa phương, các Chương trình mục tiêu quốc gia.

Chất lượng khám bệnh, chữa bệnh ngày càng nâng cao chất lượng, triển khai nhiều kỹ thuật mới, phát triển mạng lưới cấp cứu và điều trị đột quỵ. Đảm bảo cung ứng đủ thuốc, hóa chất, vật tư phục vụ nhu cầu khám chữa bệnh cho người dân tại địa phương.

Triển khai chính sách thu hút, đãi ngộ nguồn nhân lực, phát huy ý đức, lấy người bệnh làm trung tâm, hướng tới sự hài lòng của người bệnh. Phát triển nguồn nhân lực y tế tuyến cơ sở, 100% trạm y tế tuyến xã có bác sỹ làm việc. Thực hiện chủ trương xã hội hóa y tế, đa dạng hóa các loại hình dịch vụ y tế, mạng lưới hành nghề y được tư nhân liên tục được củng cố, phát triển quy mô và nâng cao chất lượng hoạt động.

i) Quốc phòng, an ninh

Tập trung triển khai Chiến lược bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới, tăng cường đầu tư gắn với quy hoạch, xây dựng và hoạt động khu vực phòng thủ. Công tác xây dựng lực lượng, huấn luyện, sẵn sàng chiến đấu được thực hiện thường xuyên; hoạt động phối hợp của các lực lượng theo Nghị định số 02/2020/NĐ-CP, Nghị định số 03/2019/NĐ-CP của Chính phủ ngày càng chặt chẽ, hiệu quả, góp phần giữ vững an ninh chính trị, hoàn thành tốt nhiệm vụ quân sự, quốc phòng địa phương. Tổ chức tốt diễn tập khu vực phòng thủ cấp huyện, cấp tỉnh; hoàn thành tốt theo kế hoạch đề ra, đặc biệt diễn tập khu vực phòng thủ cấp tỉnh được Quân khu 9 đánh giá hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ. Công tác tuyển quân, giáo dục, bồi dưỡng, cập nhật kiến thức quốc phòng, an ninh cho các đối tượng luôn đạt, vượt chỉ tiêu, kế hoạch đề ra.

Công tác bảo vệ an ninh quốc gia, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội được thực hiện kịp thời, hiệu quả, góp phần phát triển kinh tế, ổn định xã hội. Thế trận an ninh nhân dân được giữ vững, chủ động nắm, dự báo sát tình hình và có phương án giải quyết ngay từ đầu, tại cơ sở các vấn đề liên quan an ninh quốc gia, không để bị động, bất ngờ trong mọi tình huống. Thực hiện đồng bộ các biện pháp nhằm nhận diện kịp thời, tấn công nhanh, trấn áp mạnh, xử lý nghiêm các loại tội phạm, các hành vi vi phạm pháp luật và tệ nạn xã hội, không để hình thành băng, ổ nhóm trên địa bàn; tội phạm về TTXH năm sau được kéo giảm vượt chỉ tiêu so với năm trước; tăng cường triệt xóa, vô hiệu hóa nhiều đường dây tội phạm hoạt động tình

vi, xảo quyết được cấp ủy, chính quyền địa phương, Nhân dân ghi nhận, đánh giá rất cao. Các vụ án, vụ việc thuộc diện Ban Chỉ đạo Trung ương, Ban Chỉ đạo Tỉnh về PCTN theo dõi, chỉ đạo hoặc dư luận xã hội quan tâm đều được giải quyết toàn diện. Công tác quản lý hành chính về TTXH được triển khai hiệu quả, các nhiệm vụ, chỉ tiêu Đề án số 06, 02 Dự án đạt và vượt yêu cầu đề ra. Trật tự, an toàn giao thông được đảm bảo thông suốt, không để xảy ra tai nạn giao thông đặc biệt nghiêm trọng. Phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc không ngừng được củng cố, nhiều mô hình, điển hình tiên tiến có ý nghĩa nhân văn sâu sắc được nhân rộng toàn quốc.

k) Tích cực, chủ động triển khai thực hiện hiệu quả các chương trình hợp tác quốc tế

Công tác đối ngoại bám sát theo định hướng của Đại hội Đảng bộ tỉnh đề ra, triển khai nhiều hoạt động đối ngoại, hợp tác với các đối tác quốc tế nhằm đẩy mạnh các hoạt động thu hút đầu tư, giao lưu kinh tế, mở rộng thị trường, duy trì mối quan hệ hợp tác an ninh, quốc phòng, văn hóa, xã hội với các tỉnh giáp biên. Công tác đối ngoại nhân dân tiếp tục khẳng định vai trò là một trụ cột quan trọng của công tác đối ngoại, trong đó chú trọng tăng cường hợp tác với với Nhân dân, lực lượng vũ trang tỉnh Kandal và tỉnh Takeo, Vương quốc Campuchia và tỉnh Chăm-pa-sắc, Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào.

1.5. Các chính sách đặc thù hiện hưởng: Không.

1.6. Tổ chức bộ máy, biên chế cán bộ, công chức trong hệ thống chính trị

a) Cấp tỉnh

- Đảng bộ:

Đảng bộ tỉnh An Giang có 17 đảng bộ trực thuộc (07 đảng bộ huyện, 02 đảng bộ thị xã, 02 đảng bộ thành phố, 01 Đảng bộ Các cơ quan Đảng tỉnh, 01 Đảng bộ Ủy ban nhân dân tỉnh và 03 đảng bộ lực lượng vũ trang, 01 đảng bộ cơ sở được giao quyền trên cơ sở là Đảng bộ trường Đại học An Giang), 720 tổ chức cơ sở đảng (đảng bộ cơ sở 310 chi bộ cơ sở 410) và 2.868 chi bộ, đảng bộ trực thuộc đảng ủy cơ sở (gồm 2.828 chi bộ và 40 đảng bộ bộ phận) với tổng số 67.633 đảng viên, chiếm 2,47% dân số tỉnh.

- Tỉnh ủy:

+ Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh An Giang có 46 đồng chí; Ban Thường vụ Tỉnh ủy có 15 đồng chí. Thường trực Tỉnh ủy có 03 đồng chí, gồm: Bí thư Tỉnh ủy; Phó Bí thư Thường trực Tỉnh ủy - Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh; Phó Bí thư Tỉnh ủy - Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

Cấp ủy, ban thường vụ, thường trực cấp ủy cấp tỉnh thực hiện chức năng, nhiệm vụ theo quy định của Điều lệ Đảng, quy định, hướng dẫn của Trung ương và Quy chế làm việc số 26-QC/TU ngày 27/11/2023 của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ và Thường trực Tỉnh ủy khóa XI, nhiệm kỳ 2020 - 2025.

+ Các cơ quan tham mưu giúp việc Tỉnh ủy gồm: Văn phòng Tỉnh ủy, Ban Tổ chức, Ban Nội chính, Ban Tuyên giáo và Dân vận, cơ quan Ủy ban Kiểm tra và 02 đơn vị sự nghiệp: Trường Chính trị Tôn Đức Thắng, Báo An Giang, với 224 người (09 cán bộ, 113 công chức, 67 viên chức, 35 người lao động), trong đó có 07 cấp trưởng và 22 cấp phó.

- Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, 05 tổ chức chính trị - xã hội (Đoàn Thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh, Hội Liên hiệp Phụ nữ, Hội Cựu chiến binh, Hội Nông dân, Liên đoàn Lao động), 15 Hội quần chúng được Đảng và Nhà nước giao nhiệm vụ (Hội Chữ thập đỏ; Hội Khuyến học; Hội Luật gia; Hội Nhà báo; Liên minh Hợp tác xã; Liên hiệp các Tổ chức hữu nghị; Hội Bảo trợ người khuyết tật, bệnh nhân nghèo và Bảo vệ quyền trẻ em; Liên hiệp các hội Khoa học Kỹ thuật; Liên hiệp các hội văn học nghệ thuật; Hội Đông y; Hội Người cao tuổi; Hội Nghề nuôi và chế biến thủy sản; Hội Người tù kháng chiến; Hội Nạn nhân chất độc màu da cam-dioxin; Hội Người mù).

+ Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, 05 tổ chức chính trị - xã hội, với 146 người (20 cán bộ, 92 công chức, 09 viên chức, 25 người lao động), trong đó có 06 cấp trưởng và 14 cấp phó.

+ 15 Hội quần chúng được Đảng và nhà nước giao nhiệm vụ, với 118 người, trong đó có 15 cấp trưởng và 18 cấp phó.

- Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân tỉnh:

+ Hội đồng nhân dân tỉnh có 57 đại biểu (Trình độ chuyên môn: thạc sĩ 21 đại biểu, chiếm 36,84%; đại học 33 đại biểu, chiếm 57,89%; trình độ 12/12 là 03 đại biểu, chiếm 5,26%. Trình độ lý luận chính trị: cao cấp 51/57 đại biểu, chiếm 89,47%; trung cấp 01 đại biểu, chiếm 1,75%); Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh có Chủ tịch, 02 Phó Chủ tịch; 03 Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh gồm: Ban Kinh tế - Ngân sách, Ban Văn hóa - Xã hội, Ban Pháp chế và Văn phòng Đoàn Đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh (có 01 phó đoàn đại biểu Quốc hội chuyên trách), với 37 người (có 09 cán bộ, 23 công chức và 05 người lao động), trong đó có 03 cấp trưởng và 07 cấp phó (trừ chức danh Phó Chủ tịch HĐND và Phó trưởng đoàn Đại biểu Quốc hội chuyên trách).

+ Ủy ban nhân dân tỉnh có 04 lãnh đạo (gồm: Chủ tịch, 03 Phó Chủ tịch) và 13 sở, cơ quan chuyên môn (gồm: Sở Nội vụ; Sở Tư pháp; Sở Tài chính; Sở Công Thương; Sở Nông nghiệp và Môi trường; Sở Xây dựng; Sở Khoa học và Công nghệ; Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Sở Giáo dục và Đào tạo; Sở Y tế; Sở Dân tộc và Tôn giáo; Thanh tra tỉnh và Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh) và 01 cơ quan hành chính khác là Ban Quản lý Khu Kinh tế tỉnh, với 15.712 người (04 cán bộ, 1.127 công chức, 11.956 viên chức và 2.625 người lao động), trong đó có 14 cấp trưởng và 54 cấp phó.

Có 07 đơn vị sự nghiệp thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, gồm: Ban Quản lý Di tích văn hóa Óc Eo tỉnh An Giang, Ban Quản lý Dự án tỉnh An Giang, Trung tâm Xúc tiến Thương mại và Đầu tư tỉnh An Giang, Trường Cao đẳng nghề An Giang, Trường Cao đẳng Y tế An Giang, Đài Phát thanh - Truyền hình An Giang, Ban

Quản lý Khu du lịch quốc gia Núi Sam, với 696 người (427 viên chức và 269 người lao động), trong đó có 07 cấp trưởng và 16 cấp phó.

Các doanh nghiệp có 100% vốn nhà nước và doanh nghiệp có vốn nhà nước chi phối ở tỉnh An Giang (Công ty TNHH MTV Xổ số kiến thiết An Giang, Công ty Điện Nước An Giang, Công ty Cổ phần Xây lắp An Giang, Công ty Cổ phần phà An Giang,...) có tập thể lãnh đạo doanh nghiệp (Chủ tịch Hội đồng quản trị/Chủ tịch công ty và Ban Thường vụ hoặc Cấp ủy cùng cấp); người quản lý doanh nghiệp (Chủ tịch Hội đồng quản trị/Chủ tịch công ty; Tổng Giám đốc/Giám đốc; Phó Tổng Giám đốc/Phó Giám đốc; kiểm soát viên; kế toán,...) và người lao động. Hoạt động theo Luật Doanh nghiệp, các quy định của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và các quy định của pháp luật có liên quan.

b) Cấp huyện

- Tổ chức đảng: Có 11 đảng bộ huyện, thị, thành trực thuộc Tỉnh ủy (07 đảng bộ huyện, 02 đảng bộ thị xã, 02 đảng bộ thành phố), 580 tổ chức cơ sở đảng (đảng bộ cơ sở 224 chi bộ cơ sở 356) và 2.276 chi bộ trực thuộc đảng ủy cơ sở, 21 đảng bộ bộ phận với tổng số 57.239 đảng viên.

Các đảng bộ cấp huyện có các tổ chức đảng trực thuộc, gồm: có 155 đảng bộ cơ sở xã, phường, thị trấn; 256 chi bộ cơ sở cơ quan, 37 chi đảng bộ doanh nghiệp, 120 chi đảng bộ cơ sở đơn vị sự nghiệp, 11 đảng bộ cơ sở lực lượng vũ trang, 01 loại hình khác.

- Ban Chấp hành đảng bộ huyện ủy, thị ủy, thành ủy có 424 đồng chí; Ban Thường vụ các huyện ủy, thị ủy, thành ủy có 134 đồng chí; 11 bí thư, 21 phó bí thư; Ủy viên Ủy ban Kiểm tra các huyện, thị xã, thành phố có 70 đồng chí (trong đó, có 11 Chủ nhiệm, 16 Phó Chủ nhiệm).

- Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức đoàn thể chính trị - xã hội: có 257 người trong đó cấp trưởng 64 người; cấp phó 67 người.

- Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân cấp huyện:

+ Có 11 Hội đồng nhân dân huyện, thị xã, thành phố, với 373 đại biểu, Thường trực Hội đồng nhân dân huyện, thành phố có Chủ tịch, Phó Chủ tịch; các Ban của Hội đồng nhân dân có Ban Kinh tế - Xã hội và Ban Pháp chế. Trong đó:

Trình độ chuyên môn: tiến sĩ 01 đại biểu, chiếm 0,26%; thạc sĩ 40 đại biểu, chiếm 10,72% đại học 319 đại biểu, chiếm 85,52%; trung cấp, cao đẳng 02 đại biểu, chiếm 0,53%; sơ cấp và chưa qua đào tạo 11 đại biểu, chiếm 2,94%.

Trình độ lý luận chính trị: cử nhân, cao cấp 311 đại biểu, chiếm 83,37%; trung cấp 48 đại biểu, chiếm 12,87%; sơ cấp 14 đại biểu, chiếm 3,75%.

+ Ủy ban nhân dân các huyện/thị xã/thành phố có 10 phòng chuyên môn (gồm: Phòng Nội vụ; Phòng Tư pháp; Phòng Tài chính - Kế hoạch; Phòng Nông nghiệp và Môi trường (đối với huyện)/Phòng Tài nguyên và Môi trường (đối với thành phố); Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị; Phòng Giáo dục và Đào tạo; Phòng Văn hóa, Khoa học và Thông tin; Phòng Y tế; Thanh tra huyện/thị xã/thành phố),

Phòng Dân tộc và Tôn giáo¹ (*phòng chuyên môn đặc thù*) và Văn phòng HĐND-UBND với 22.211 người (biên chế giao 23.256: Công chức: 1.197, viên chức 22.059), trong đó: cán bộ, công chức 1.090 người, viên chức 21.121 người (gồm viên chức tại đơn vị sự nghiệp tự bảo đảm chi thường xuyên); nam 8.577 người, nữ 13.634 người; có 722 người là đồng bào dân tộc thiểu số.

c) Cấp xã

- Tổ chức đảng: Đảng bộ xã, phường, thị trấn (cấp xã) thành lập theo quy định của Điều lệ Đảng. Các chi bộ trực thuộc đảng ủy cấp xã chủ yếu gồm các loại hình: Chi bộ ấp, khóm; chi bộ trạm y tế; chi bộ các trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở, chi bộ công an, chi bộ quân sự.

Tỉnh An Giang hiện có 155 đảng bộ xã, phường, thị trấn với 1.963 chi bộ trực thuộc và 47.791 đảng viên.

- Hội đồng nhân dân các xã, phường, thị trấn: Gồm 155 Hội đồng nhân dân xã, phường, thị trấn với tổng số 4.079 đại biểu Trong đó:

+ Trình độ chuyên môn: thạc sĩ 104 đại biểu, chiếm 2,55%; đại học 2.799 đại biểu, chiếm 68,62%; trung cấp, cao đẳng 583 đại biểu, chiếm 14,29%; sơ cấp và chưa qua đào tạo 593 đại biểu, chiếm 14,54%.

+ Trình độ lý luận chính trị: cử nhân, cao cấp 341 đại biểu, chiếm 8,36%; trung cấp 2655 đại biểu, chiếm 65,09%; sơ cấp 1083 đại biểu, chiếm 26,55%.

- Cán bộ, công chức cấp xã có 3183 người, trong đó: cán bộ 1.664 người, công chức 1.519 người; nam 837 người, nữ 682 người; dân tộc thiểu số 166 người.

- Người hoạt động không chuyên trách cấp xã đã bố trí là 2.130 người.

- Người hoạt động không chuyên trách ở ấp, khóm đã bố trí là 2.637 người.

2. Tỉnh Kiên Giang

2.1. Vị trí địa lý

Tỉnh Kiên Giang nằm ở phía Tây Nam của Việt Nam, thuộc vùng đồng bằng sông Cửu Long. Có địa giới hành chính cụ thể như sau:

- Phía Đông giáp tỉnh An Giang, thành phố Cần Thơ và tỉnh Hậu Giang;
- Phía Tây giáp Vịnh Thái Lan;
- Phía Nam giáp tỉnh Cà Mau và tỉnh Bạc Liêu;
- Phía Bắc giáp Vương quốc Campuchia.

2.2. Diện tích tự nhiên, quy mô dân số và số ĐVHC trực thuộc

a) Diện tích: 6.352,08 km².

b) Quy mô dân số: 2.210.387 người.

¹ Các đơn vị: thị xã Tịnh Biên, huyện Tri Tôn, huyện An Phú, thị xã Tân Châu.

c) Số ĐVHC trực thuộc: Tỉnh Kiên Giang hiện có 15 ĐVHC cấp huyện (03 thành phố, 12 huyện) và 143 ĐVHC cấp xã (gồm 116 xã, 17 phường, 10 thị trấn).

2.3. Chức năng, vai trò

Quy hoạch tỉnh Kiên Giang thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 được phê duyệt tại Quyết định số 1289/QĐ-TTg ngày 03/11/2023 của Thủ tướng Chính phủ, xác định: Đến năm 2030, Kiên Giang là tỉnh có chất lượng sống cao của vùng đồng bằng sông Cửu Long; là trung tâm kinh tế biển của quốc gia, trong đó các thành phố Rạch Giá - Hà Tiên - Phú Quốc là tam giác phát triển chính của nền kinh tế đô thị, thương mại và dịch vụ hướng biển. Đến năm 2050, Kiên Giang trở thành trung tâm kinh tế biển mạnh của quốc gia; là cửa ngõ, đầu mối giao thông, giao thương, giao lưu quốc tế quan trọng; Phú Quốc là trung tâm du lịch, dịch vụ tổng hợp, du lịch sinh thái biển - đảo đặc sắc, với nhiều giá trị khác biệt, đẳng cấp quốc tế. Bản sắc văn hóa dân tộc và giá trị di sản, lịch sử của tỉnh được bảo tồn và thể hiện rõ nét.

2.4. Tình hình phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh

a) Tăng trưởng kinh tế

Tổng sản phẩm trên địa bàn (GRDP) năm 2024 đạt 144.575.028 triệu đồng, tăng 7,50% so với năm trước. Trong đó:

- Khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản: tổng giá trị tăng thêm (VA) ước tính 27.696,06 tỷ đồng, tăng 4,06% so với năm trước, trong đó: ngành nông nghiệp 15.927,10 tỷ đồng, tăng 4,13% so với năm trước; ngành thủy sản ước đạt 11.636,29 tỷ đồng, tăng 4% so cùng kỳ.

- Khu vực công nghiệp và xây dựng: tổng giá trị tăng thêm ước tính 17.111,52 tỷ đồng, tăng 11,50% so với năm trước, trong đó lĩnh vực công nghiệp ước đạt 9.922,42 tỷ đồng, tăng 12,57%; xây dựng ước đạt 7.189,10 tỷ đồng, tăng 10,07%.

- Khu vực dịch vụ: tổng giá trị tăng thêm ước tính đạt trên 29.383,87 tỷ đồng, tăng 9,15% so với năm trước. Khu vực III, là khu vực chiếm tỷ trọng lớn nhất, các hoạt động du lịch, vận tải, lưu trú và ăn uống tăng trưởng khá cao so với cùng kỳ năm trước.

- Thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm: gần 4.068,31 tỷ đồng, tăng 3,80% so với năm trước.

Về cơ cấu kinh tế (cơ cấu GRDP theo giá hiện hành): khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản chiếm tỷ trọng 36,86%; khu vực công nghiệp và xây dựng chiếm 20,13%; khu vực dịch vụ chiếm 37,84%; thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm chiếm 5,17%. Thu nhập bình quân đầu người năm 2024 đạt 61,70 triệu đồng/người/năm.

b) Thu - chi ngân sách

Năm 2024, tổng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh đạt 17.867 tỷ đồng, vượt 0,42% dự toán, tăng 16,69% so với năm 2023; tổng chi ngân sách địa phương đạt 19.266,92 tỷ đồng, đạt 86,18% dự toán, tăng 1,30% so với năm 2023.

c) Đầu tư xây dựng

- Đầu tư:

Trong năm, nhờ sự quan tâm, hỗ trợ của các cấp, ngành trong tỉnh, giúp tháo gỡ nhiều khó khăn vướng mắc trong thủ tục hành chính như: chấp thuận điểm đầu tư, cấp giấy chứng nhận đầu tư, thẩm định quy hoạch xây dựng, giao đất và thuê đất,... giúp tháo gỡ khó khăn vướng mắc cho đầu tư công cũng như các nhà đầu tư tiếp tục triển khai đầu tư. Tuy nhiên, tình hình thực hiện đầu tư trên địa bàn tỉnh gặp rất nhiều khó khăn như: công tác bồi thường và giải phóng mặt bằng tiến độ còn chậm, xử lý mất nhiều thời gian dẫn đến một số dự án chưa bàn giao toàn bộ mặt bằng cho nhà thầu thi công, làm ảnh hưởng tiến độ của nhiều công trình. Một số công trình không thể triển khai cùng lúc nhiều gói thầu, các gói thầu tiên quyết chưa hoàn thành nên không thể triển khai tiếp các gói thầu khác; nguồn cát xây dựng khan hiếm do cùng thời điểm có nhiều tuyến cao tốc đang thi công trên khu vực Đồng bằng Sông Cửu Long làm ảnh hưởng đến thực hiện các dự án.

Ước thực hiện vốn đầu tư phát triển trên địa bàn tỉnh năm 2024 đạt 43.875 tỷ đồng, đạt 97,50% kế hoạch, tăng 10,25% so với năm trước. Giải ngân vốn đầu tư thuộc nguồn vốn ngân sách Nhà nước do địa phương quản lý (có đến ngày 15/12/2024) ước tính 3.731,05 tỷ đồng, đạt 37,21% kế hoạch năm, giảm 16,53% so với năm trước. Trong đó: vốn cân đối ngân sách địa phương 3.102,47 tỷ đồng, đạt 35,23% kế hoạch năm, giảm 11,98% so năm trước.

- Xây dựng:

Công tác quy hoạch xây dựng, quy hoạch đô thị trên địa bàn tỉnh cơ bản đã được nghiên cứu lập, thẩm định và phê duyệt phù hợp theo Luật Xây dựng, Luật Quy hoạch đô thị và các nghị định, thông tư hiện hành, Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng, Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về các công trình hạ tầng kỹ thuật... đáp ứng các chỉ tiêu cơ bản về dân số, sử dụng đất, hạ tầng xã hội và hạ tầng kỹ thuật theo quy định. Công tác cấp giấy phép xây dựng đã thực hiện đảm bảo đúng quy trình, thời hạn giải quyết đảm bảo theo quy định; mức độ hài lòng của các cá nhân, tổ chức được nâng lên. Kịp thời hướng dẫn những khó khăn vướng mắc trong quá trình thực hiện công tác cấp giấy phép xây dựng của các địa phương trong địa bàn tỉnh. Công tác phối hợp với Chủ đầu tư và các đơn vị có liên quan kịp thời giải quyết các vướng mắc khó khăn liên quan đến hoạt động đầu tư xây dựng.

Năm 2024, tỷ lệ đô thị hóa của tỉnh là 36,46% đạt 100,16% kế hoạch. Ước tính giá trị sản xuất ngành xây dựng năm 2024 (theo giá so sánh 2010) đạt 26.159,98 tỷ đồng tăng 9,74% so với cùng kỳ năm trước.

d) Tình hình hoạt động của doanh nghiệp

Trong năm 2024, hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp vẫn còn gặp nhiều khó khăn, thách thức nên số doanh nghiệp ngưng hoạt động và giải thể tăng cao hơn năm trước và số doanh nghiệp thành lập mới giảm so với năm trước. Trong năm, thành lập mới được 1.500 doanh nghiệp với tổng vốn đăng ký là 11.000 tỷ đồng, đạt 100% về số lượng và đạt 61% về số vốn so với kế hoạch, giảm

4% về số lượng và giảm 35% về số vốn đăng ký so với năm 2023; số doanh nghiệp giải thể, thu hồi 1000 doanh nghiệp, tăng 1,3% so với năm 2023. Tính chung cả năm, ước toàn tỉnh có 12.716 doanh nghiệp với số vốn đăng ký 215.467,4 tỷ đồng.

đ) Sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản

Ngành nông nghiệp tăng trưởng khá, tiếp tục là trụ đỡ của nền kinh tế của tỉnh; các địa phương cùng với ngành chức năng của tỉnh đã chủ động ứng phó, triển khai đồng bộ các giải pháp phòng, chống hạn hán, mặn xâm nhập, dịch bệnh trên cây trồng, vật nuôi; phát huy hiệu quả nền tình hình sản xuất nông nghiệp và thủy sản tiếp tục ổn định, không để phát sinh dịch bệnh nghiêm trọng trên cây trồng và vật nuôi.

*** Nông nghiệp:**

- Trồng trọt:

+ Sản xuất lúa: mặc dù chịu tác động từ biến đổi khí hậu, nắng nóng kéo dài làm khô hạn, mưa, bão làm lúa ngập úng, đổ sập ảnh hưởng đến năng suất, sản lượng và chất lượng lúa ở một vài địa phương. Với sự chỉ đạo kịp thời của các cấp, ngành đã chủ động ứng phó với tình hình thời tiết, điều tiết nước phục vụ sản xuất, phòng chống sâu bệnh, bên cạnh đó giá lúa năm nay khá cao đã kích thích nông dân tích cực chăm sóc nên sản xuất lúa năm 2024 đã vượt mục tiêu kế hoạch khá cao. Tổng diện tích gieo trồng lúa năm 2024 đạt 725.679,59 ha, vượt 3,67% kế hoạch và tăng 1,80% so năm trước; năng suất bình quân đạt 6,45 tấn/ha, vượt 2,56% kế hoạch và tăng 0,74% so năm trước, tổng sản lượng thu hoạch ước 4.678.181 tấn, vượt 6,32% kế hoạch và tăng 2,55% so năm trước. Năm 2024, toàn tỉnh tổ chức sản xuất cánh đồng lớn được 767 cánh đồng với diện tích 116.499,5 ha, giảm 567 cánh đồng so năm trước và diện tích giảm 50.726,2 ha. Trong đó, có 405 cánh đồng lớn gắn với liên kết tiêu thụ với diện tích 73.537,6 ha, giảm 621 cánh đồng và giảm 47.159 ha so với năm 2023.

+ Cây trồng hàng năm khác: trong những năm qua, có nhiều hộ dân mạnh dạn chuyển đổi cây trồng, vật nuôi, từ truyền thống sang canh tác theo hướng an toàn. Lựa chọn mô hình phù hợp với điều kiện thổ nhưỡng... đem lại hiệu quả kinh tế cao hơn đang được nông dân quan tâm, nên ngoài diện tích các loại cây ăn trái tăng lên thì diện tích một số loại rau và cây bắp cũng đang tăng lên đáng kể. So với cùng kỳ năm trước, diện tích một số cây rau màu trong năm 2024 như sau: dưa hấu 1.255,46 ha, giảm 3,92%; khoai lang 949,66 ha, giảm 9,12%; khoai mì 376,90 ha, tăng 7,72%; bắp 391,49 ha, tăng 15,14% và rau đậu các loại đạt 10.703,85 ha, tăng 13,96%.

Nhằm đáp ứng nhu cầu tiêu dùng tăng mạnh trong dịp Tết Nguyên đán, một số loại cây rau màu thiết yếu phục vụ Tết đang được nông dân chú trọng gieo trồng nên diện tích đang tăng lên đáng kể (tính đến ngày 15/12/2024): dưa hấu 130 ha, tăng 4,84% so với cùng kỳ; khoai lang 69 ha, tăng 15% so với cùng kỳ; khoai mì 70 ha, tăng 9,38% so với cùng kỳ; bắp 30 ha, tăng 7,14% so với cùng kỳ; rau đậu các loại 820 ha, giảm 36,68% so với cùng kỳ.

- Chăn nuôi:

Tình hình chăn nuôi năm 2024 trên địa bàn tỉnh tiếp tục ổn định; dịch bệnh ít xảy ra, thực hiện tốt công tác phòng, chống dịch bệnh và sự giám sát chặt chẽ quá trình giết mổ động vật. Tuy nhiên, chăn nuôi của tỉnh đa phần chăn nuôi nhỏ lẻ, phân tán trong các nông hộ, điều kiện an toàn sinh học còn nhiều hạn chế, tình trạng vận chuyển, giết mổ gia súc, gia cầm chưa đúng quy định còn diễn ra,... Chăn nuôi của tỉnh còn nhiều dư địa để phát triển, nhưng môi trường đang là vấn đề lớn để phát triển chăn nuôi tập trung quy mô lớn.

Kết quả điều tra chăn nuôi thời điểm ngày 01/10/2024, so với cùng thời điểm năm trước: đàn trâu 3.826 con, giảm 12,99%; đàn bò 9.628 con, giảm 2,32% (*đàn trâu, bò giảm so với cùng kỳ năm trước, do tình hình khô hạn, nắng nóng kéo dài, thiếu đồng cỏ chăn thả*); đàn heo 265.275 con, tăng 11,66%; đàn gia cầm có 5.677,50 ngàn con, giảm 8,14% (giảm 530,50 ngàn con) chủ yếu giảm ở đàn vịt chạy đồng giảm do vùng chăn thả giảm.

*** Lâm nghiệp:**

Công tác chăm sóc và bảo vệ rừng thường xuyên được quan tâm. Các ngành chức năng thường xuyên phối hợp với các địa phương đẩy mạnh công tác tuyên truyền, nâng cao kiến thức về phòng chống cháy rừng, tăng cường tuần tra, kiểm soát, duy trì thường xuyên công tác chăm sóc, bảo vệ rừng, chống chặt phá rừng nhằm hạn chế thấp nhất thiệt hại. Diện tích rừng trên địa bàn tỉnh là 82.652 ha, diện tích rừng và đất lâm nghiệp phân bố trên địa bàn 09/15 huyện, thành phố và đã được giao cho các chủ thể quản lý. Tỷ lệ che phủ rừng là 11,60%.

Sản lượng gỗ khai thác thác 12 tháng ước đạt 33.213 m³, giảm 17,76% so cùng kỳ và sản lượng củi khai thác đạt 43.460 Ste, tăng 7,83% so cùng kỳ. Trong tháng không xảy ra vi phạm chặt phá rừng. Tính chung 12 tháng đã xảy ra 32 vụ vi phạm chặt phá rừng với diện tích thiệt hại khoảng 20,59 ha; xảy ra 38 vụ cháy rừng với diện tích thiệt hại khoảng 407,97 ha (trong đó có 212.462 m² rừng đặc dụng và 3.867.208 m² rừng phòng hộ). Các ngành chức năng cần tăng cường tuần tra, kiểm soát cũng như tuyên truyền để người dân nâng cao ý thức trong công tác bảo vệ tài nguyên rừng trong thời gian tới.

*** Thủy sản:**

Triển khai quyết liệt và mạnh mẽ việc thực hiện nghiêm các quy định về chống khai thác thủy sản bất hợp pháp không khai báo, không theo quy định (IUU) và xử lý vi phạm nghiêm các trường hợp vi phạm, nhưng phương tiện của tỉnh vẫn còn vi phạm vùng biển nước ngoài. Sản lượng khai thác thủy sản của tỉnh tiếp tục giảm; nuôi trồng tăng khá và bù đắp cho số sản lượng khai thác sụt giảm. Nhờ vậy, tổng sản lượng khai thác và nuôi trồng tăng nhẹ so với năm trước, một số thủy sản có giá trị cao như cua, tôm sản lượng tăng khá cao nên giá trị sản xuất ngành thủy sản (theo giá so sánh 2010) năm 2024 tăng 4% so với năm trước.

e) Sản xuất công nghiệp

Hoạt động sản xuất công nghiệp trên địa bàn tỉnh trong năm 2024 tiếp tục ổn định và có tăng trưởng khá, tình hình sản xuất có xu hướng thuận lợi hơn so với dự báo và đạt mức tăng trưởng khá cao nhờ nhóm ngành công nghiệp chế biến chế tạo,

như: sản xuất giày da - may mặc, chế biến thủy sản, khai thác đá, chế biến thực phẩm... Nhiều cơ chế, chính sách hỗ trợ, tháo gỡ khó khăn thúc đẩy sản xuất được Trung ương, Chính phủ ban hành giúp doanh nghiệp duy trì và ổn định sản xuất; các doanh nghiệp tích cực mở rộng, tìm kiếm thị trường, chủ động nắm bắt và triển khai kịp thời các hợp đồng cung ứng, lượng đơn đặt hàng được duy trì và dần tăng, nhất là mặt hàng giày da, may mặc,... Hoạt động tại các khu, cụm công nghiệp tiếp tục ổn định. Nhờ đó mà hoạt động sản xuất kinh doanh, xuất khẩu của các doanh nghiệp có nhiều khởi sắc (giá trị sản xuất công nghiệp theo giá so sánh 2010, tăng trên 13% so cùng kỳ), góp phần vào tăng trưởng chung của ngành công nghiệp nói riêng và của kinh tế tỉnh nói chung.

Chỉ số sản xuất công nghiệp toàn ngành tăng 12,87% so với cùng kỳ năm trước; giá trị sản xuất công nghiệp (theo giá so sánh 2010) ước đạt trên 57.110 tỷ đồng, đạt 104,89% kế hoạch, tăng 13,28% so với năm trước; chỉ số tiêu thụ ngành công nghiệp chế biến chế tạo giảm 2,71% so với cùng kỳ; chỉ số toàn kho ngành công nghiệp chế biến chế tạo bằng 74,75% so cùng tháng năm trước; chỉ số sử dụng lao động của ngành công nghiệp giảm 3,30 so cùng kỳ năm trước.

g) Thương mại, dịch vụ và du lịch

Thị trường bán lẻ hàng hóa và dịch vụ tiêu dùng tiếp tục tăng trưởng mạnh, lượng cung hàng hóa và dịch vụ luôn đảm bảo đáp ứng nhu cầu sản xuất và tiêu dùng. Mặt khác, các ngành chức năng đã thực hiện tốt công tác kiểm tra, kiểm soát thị trường, phòng chống buôn lậu, gian lận thương mại, bảo đảm an toàn thực phẩm,...

- Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng năm 2024 đạt 162.329,18 tỷ đồng, tăng 22,15% so với năm 2023. Trong đó, Tổng mức bán lẻ hàng hóa ước đạt 87.378,86 tỷ đồng, vượt 0,88% kế hoạch, tăng 12% so với năm trước; doanh thu dịch vụ lưu trú và ăn uống ước đạt 34.068,54 tỷ đồng, vượt 7,68% kế hoạch năm, tăng 57,63% so cùng kỳ năm trước; doanh thu du lịch lữ hành và hoạt động hỗ trợ du lịch ước đạt 816,56 tỷ đồng, đạt 97,21% kế hoạch, tăng 10,73% so với năm trước; doanh thu hoạt động dịch vụ khác ước đạt 40.065,22 tỷ đồng, vượt 31,36% kế hoạch, tăng 23,17% so với cùng kỳ năm trước.

- Xuất, nhập khẩu năm nay tăng khá so với năm trước, tận dụng cơ hội từ các Hiệp định thương mại đã ký kết giữa Việt Nam với các nước, trong đó có Hiệp định Thương mại tự do EVFTA, đem lại nhiều cơ hội cho hoạt động xuất, nhập khẩu trong thời gian qua, thực hiện tốt chế độ hoàn thuế, miễn thuế, không thu thuế đã rút ngắn thời gian thông quan hàng hóa. Tuy nhiên, xuất khẩu của tỉnh vẫn đang ở mức thấp, phần lớn các doanh nghiệp xuất khẩu quy mô nhỏ, sức cạnh tranh còn yếu, chưa tiếp cận được nhiều thị trường. Tổng kim ngạch xuất, nhập khẩu hàng hóa năm 2024 ước đạt 1.144,99 triệu USD, đạt 110,10% kế hoạch, tăng 14,46% so với cùng kỳ năm trước.

- Quản lý thị trường: Trong năm 2024, các hoạt động sản xuất, kinh doanh hàng hóa, cung ứng dịch vụ trên địa bàn tỉnh cơ bản ổn định, đáp ứng nhu cầu tiêu dùng của nhân dân; giá một số mặt hàng phục vụ cho sản xuất và tiêu dùng tăng nhẹ; giá nhiên liệu xăng dầu điều chỉnh theo thị trường thế giới. Tuy nhiên, giá một số mặt hàng tiêu dùng thiết yếu và dịch vụ có xu hướng tăng. Tình hình vi phạm

pháp luật trên địa bàn vẫn còn xảy ra, các hành vi vi phạm như: kinh doanh hàng nhập lậu, nhả hàng hóa, hàng hóa giả mạo nhãn hiệu, xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ, chất lượng hàng hóa, vi phạm quy định trong kinh doanh, an toàn thực phẩm,... Tình hình mua bán, vận chuyển hàng hóa nhập lậu trên tuyến biên giới vào thị trường nội địa tiếp tục được kiểm soát tốt, các lực lượng chức năng tăng cường kiểm tra, kiểm soát, đấu tranh, ngăn chặn đã làm hạn chế được tình trạng vận chuyển hàng hóa trái phép qua biên giới. Trong nội địa tình hình buôn lậu, vận chuyển hàng cấm, hàng nhập lậu vẫn còn diễn ra dưới hình thức nhỏ lẻ các vụ việc được phát hiện và xử lý kịp thời, không phát sinh điểm nóng.

- Giao thông, vận tải: Năm 2024, hoạt động vận tải ổn định và có tăng trưởng khá, công tác xây dựng mới, sửa chữa, nâng cấp, bảo trì kết cấu hạ tầng giao thông được quan tâm đầu tư; tăng cường siết chặt công tác quản lý hành lang an toàn đường bộ, đường thủy; rà soát tải trọng, khổ giới, điều chỉnh, công bố tải trọng, khổ giới hạn của cầu, đường; trong năm 2024 đã xây dựng mới và nâng cấp mở rộng mới 7.353 km đường giao thông nông thôn, đạt 76,87% so với quy hoạch. Các hoạt động sản xuất kinh doanh đã trở lại bình thường, từ đó nhu cầu đi lại, vận chuyển hành khách, hàng hoá tăng so với cùng kỳ năm trước.

- Du lịch: Du lịch đang có bước phát triển khá tốt, tạo nhiều điều kiện thu hút khách du lịch trong và ngoài nước, lượng khách quốc tế cũng như khách nội địa đến với tỉnh ngày càng tăng, đóng góp ngày càng lớn và quan trọng vào phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Công tác lập quy hoạch, điều chỉnh các vùng du lịch trọng điểm tích hợp vào quy hoạch chung của tỉnh được chú trọng, tạo điều kiện thuận lợi cho khai thác, phát huy tiềm năng, thế mạnh, tài nguyên du lịch và góp phần quan trọng cho quản lý đầu tư, phát triển du lịch theo quy hoạch. Công tác xúc tiến, quảng bá du lịch được thực hiện có hiệu quả; môi trường đầu tư, kinh doanh du lịch tiếp tục tạo điều kiện thuận lợi, đã thu hút khá nhiều dự án đầu tư du lịch trên địa bàn tỉnh. Hoạt động kinh doanh dịch vụ du lịch có bước phát triển, chất lượng được nâng lên. Lượt khách du lịch, nhất là khách du lịch quốc tế đến Kiên Giang trong năm có sự tăng trưởng mạnh. Bên cạnh đó, đã tổ chức thành công các sự kiện, lễ hội lớn trên địa bàn tỉnh, tạo được ấn tượng, uy tín, giới thiệu những giá trị văn hóa, tài nguyên, sản phẩm du lịch của các địa phương trên địa bàn tỉnh đến cộng đồng, bạn bè trong và ngoài nước, thu hút khách du lịch đến tham quan và trải nghiệm, tập trung tại thành phố Phú Quốc, Rạch Giá và Hà Tiên, qua đó thu hút đầu tư, mở rộng cơ hội giao lưu hợp tác, kết nối phát triển du lịch với các tỉnh, thành trong và ngoài nước.

Tổng lượt khách du lịch trên địa bàn tỉnh ước đạt 9.863,19 ngàn lượt khách, đạt 107,21% kế hoạch năm và tăng 15,56% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó: lượt khách đến các cơ sở kinh doanh du lịch phục vụ là 4.315,12 ngàn lượt khách, đạt 107,88% kế hoạch, tăng 14,16% so với cùng kỳ năm trước, trong đó khách quốc tế ước đón 978,79 ngàn lượt khách, vượt 43,94% kế hoạch năm, tăng 70,74% so cùng kỳ năm trước.

h) Một số tình hình xã hội

- Lao động, việc làm và đào tạo nghề:

+ Năm 2024 ước tính toàn tỉnh giải quyết việc làm cho 37.106 lượt lao động, vượt 6,02% kế hoạch và tăng 0,69% so với năm 2023, trong đó: giải quyết việc làm trong tỉnh là 19.633 lượt người, giải quyết việc làm ngoài tỉnh là 16.718 lượt người và lao động đi làm việc nước ngoài theo hợp đồng là 755 người.

+ Các cơ sở giáo dục nghề nghiệp tuyển sinh, đào năm 2024 cho 24.200 người, đạt 105,22% so với kế hoạch và giảm 2,39% so với năm 2023, trong đó: trình độ cao đẳng: 1.855 sinh viên, trình độ trung cấp: 3.250 học sinh, trình độ sơ cấp: 19.095 học sinh.

+ Kết quả sơ bộ về rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2024: tổng số hộ nghèo cả tỉnh là 4.714 hộ, tỷ lệ 0,99% (trong đó: thành thị 691 hộ, tỷ lệ 0,49%; nông thôn 4.023 hộ, tỷ lệ 1,21%); tổng số hộ cận nghèo 8.422 hộ, tỷ lệ 1,78% (trong đó: thành thị 1.522 hộ, tỷ lệ 1,08%; nông thôn 6.900 hộ, tỷ lệ 2,07%).

- Giáo dục:

Các cấp quản lý giáo dục thực hiện tốt vai trò tham mưu, cụ thể hóa các chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về phát triển giáo dục ở địa phương. Hệ thống trường lớp tiếp tục được củng cố và phát triển; trường đạt chuẩn quốc gia ngày càng tăng. Hiệu quả công tác quản lý từ Sở GDĐT đến các đơn vị, trường học có nhiều tiến bộ; chất lượng dạy và học được nâng lên; tỷ lệ huy động học sinh đến trường tăng; tỷ lệ học sinh yếu, kém và bỏ học giảm; đặc biệt số học sinh giỏi các cấp tăng cao.

Tổ chức thành công Kỳ thi tốt nghiệp Trung học phổ thông (THPT) năm 2024 trên địa bàn tỉnh Kiên Giang, bảo đảm nghiêm túc, trung thực, khách quan, an toàn, đúng quy chế, đảm bảo thuận lợi, công bằng cho các đối tượng thí sinh và đạt kết quả tốt, đặc biệt tỷ lệ và xếp hạng được tăng lên khá vững chắc. Tỷ lệ học sinh đỗ tốt nghiệp (THPT) năm 2024, tổng số thí sinh được công nhận tốt nghiệp 14.437 học sinh, đạt tỷ lệ 99,72%, tăng 1% so với năm 2023, đứng thứ 4/13 tỉnh Đồng bằng sông Cửu long, có 54 trường thí sinh đỗ tốt nghiệp 100%, tăng 25 trường so năm 2023. Trong đó: thí sinh hệ THPT 12.928 học sinh, đạt tỷ lệ 99,92%, tăng 0,45% so với năm 2023 và vượt chỉ tiêu 2,92%; hệ GDTX 1.463 học sinh, đạt tỷ lệ 98,65%, tăng 5,21% so với năm 2023 và vượt chỉ tiêu 5,1%; thí sinh tự do 46/56, đạt tỷ lệ 82,14%, tăng 23,32%. Trung bình điểm thi tốt nghiệp THPT năm 2024, đạt 6,62 điểm, đứng thứ 9/13 tỉnh Đồng bằng Sông Cửu Long và đứng thứ 35/63 toàn quốc. Kết quả tốt nghiệp THPT hệ giáo dục thường xuyên (GDTX) có 1.463 học sinh, đạt tỷ lệ 98,65%, tăng 5,21% so với năm 2023 và vượt chỉ tiêu 5,10%; thí sinh tự do 46/56, đạt tỷ lệ 82,14%, tăng 23,32%. Bên cạnh đó, các kỳ thi học sinh giỏi vòng tỉnh cũng đạt được một số kết quả khá cao. Năm học 2023 - 2024, toàn tỉnh có 623 đơn vị, trường học (mầm non: 166; giáo dục phổ thông: 457). Tính đến cuối năm, toàn tỉnh hiện có 344 cơ sở giáo dục công lập đạt chuẩn quốc gia, đạt tỷ lệ 58,01%.

- Văn hóa, thể thao:

+ Văn hóa: Trong năm 2024, đã tập trung tuyên truyền, tổ chức các hoạt động văn hóa phục vụ tốt các nhiệm vụ chính trị; nhất là tuyên truyền, cổ động phục vụ kỷ niệm các ngày lễ lớn, các sự kiện chính trị, đảm bảo trang trọng, an toàn, tiết kiệm,

hiệu quả. Các giá trị văn hóa dân tộc, công tác bảo tồn, phát huy giá trị của các di sản văn hóa tiếp tục được chú trọng. Phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” tiếp tục được đẩy mạnh và nâng cao chất lượng, gắn với việc thực hiện chương trình xây dựng nông thôn mới, tác động tích cực đến việc phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Công tác gia đình được quan tâm chỉ đạo, nhấn mạnh vai trò của giáo dục gia đình đối với sự hình thành nhân cách con người Việt Nam.

+ Thể dục thể thao: Trong năm 2024, đã hướng dẫn 15 huyện, thành phố tổ chức Tháng hoạt động thể dục, thể thao cho mọi người và Ngày chạy Olympic vì sức khỏe toàn dân năm 2024; hỗ trợ Liên đoàn Vovinam tổ chức kỳ thi thăng cấp trung đẳng Vovinam - Việt Võ Đạo tỉnh Kiên Giang năm 2024; tổ chức Lễ Khai mạc hè, Ngày Olympic trẻ em và Phát động toàn dân tập luyện môn bơi phòng, chống đuối nước năm 2024 và tổ chức các lớp tập huấn chuyên môn cho người hướng dẫn tập luyện thể dục, thể thao,...

- Thông tin và truyền thông:

Hạ tầng và dịch vụ viễn thông đáp ứng tốt yêu cầu xã hội. Tổng số thuê bao điện thoại đạt 1.857.203 thuê bao; mật độ thuê bao điện thoại đạt 106 thuê bao/100 dân, trong đó thuê bao điện thoại cố định là 23.503 thuê bao, thuê bao điện thoại di động là 1.833.700 thuê bao. Tổng số thuê bao internet 1.834.294 thuê; mật độ thuê bao Internet đạt 104,70 thuê bao/100 dân, trong đó thuê bao Internet băng rộng cố định là 341.338 thuê bao, thuê bao Internet băng rộng di động là 1.473.956 thuê bao. Thuê bao di động tiếp tục sụt giảm, nguyên nhân do định danh, xác thực thông tin thuê bao, các chương trình rà soát phòng chống thuê bao “rác” đang loại dần những thuê bao rác, thuê bao không chính chủ ra khỏi mạng lưới.

- Y tế, bảo hiểm:

+ Y tế: Nhìn chung năm 2024, một số các bệnh truyền nhiễm giảm so với năm 2023 như bệnh sốt xuất huyết, tay chân miệng, lỵ, thương hàn,... (giảm 4 trường hợp tử vong so năm trước). Chủ động, tăng cường giám sát các ca bệnh truyền nhiễm mới. Chất lượng khám và điều trị tại các cơ sở y tế được đảm bảo. Số lượt khám, chữa bệnh giảm so năm trước nhưng bệnh nhân điều trị nội trú tăng. Quản lý chặt chẽ các bệnh lao, phong, tâm thần.

+ Bảo hiểm: Ngay từ những tháng đầu năm, bảo hiểm xã hội (BHXH) từ tỉnh đến huyện chủ động tham mưu, tranh thủ kịp thời sự lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy, chính quyền địa phương ban hành nhiều văn bản chỉ đạo thực hiện chính sách, pháp luật về BHXH, bảo hiểm y tế (BHYT) trên địa bàn; sự phối hợp chặt chẽ của các ngành chức năng, đặc biệt là Ban Chỉ đạo thực hiện BHXH, BHYT, bảo hiểm tự nguyện (BHTN) các cấp đã có nhiều nỗ lực, phát huy tinh thần trách nhiệm, quyết tâm, chủ động có kế hoạch triển khai và đề ra giải pháp chỉ đạo thực hiện các chỉ tiêu bao phủ BHXH, BHTN, BHYT. Công tác thông tin, truyền thông về chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về BHXH, BHYT ngày càng được các ngành, các cấp; cả hệ thống chính trị quan tâm thực hiện dưới nhiều hình thức khác nhau, mang lại hiệu quả rõ rệt tại từng địa phương, từng đơn vị. Thông qua đó, hoạt động truyền thông đã và đang dần làm thay đổi nhận thức của người dân về quyền và lợi ích khi tham gia BHXH, BHYT. Công tác truyền thông đã tạo

sự đồng thuận trong việc xây dựng và thực hiện chính sách, ngày càng gắn với công tác phát triển người tham gia BHXH, BHTN, BHYT, BHYT; góp phần nâng cao ý thức tuân thủ, chấp hành pháp luật BHXH, BHYT của người dân, doanh nghiệp.

Kết quả thực hiện ước đến 31/12/2024, số người tham gia BHXH bắt buộc đạt 110.670 người, đạt 100% kế hoạch, tăng 7.626 người so với cùng kỳ năm trước, chiếm 12,28% so với lực lượng lao động toàn tỉnh; số người tham gia BHXH tự nguyện 32.710 người, đạt 100% kế hoạch, tăng 8.533 người so với cùng kỳ năm trước, chiếm 3,63% so với lực lượng lao động; số người tham gia BHTN 99.900 người, đạt 100% kế hoạch, tăng 7.229 người so với cùng kỳ năm trước, chiếm 11,09% so với lực lượng lao động; số người tham gia BHYT 1.651.764 người, đạt 93,5% dân số, tăng 19.299 người so với cùng kỳ năm trước.

i) Quốc phòng, an ninh

- Công tác quốc phòng, quân sự địa phương được chỉ đạo và tổ chức thực hiện toàn diện; duy trì nghiêm chế độ sẵn sàng chiến đấu, tuần tra canh gác, giữ gìn an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội. Công tác huấn luyện được triển khai thực hiện đúng tiến độ, đảm bảo chất lượng, an toàn tuyệt đối. Tuyển chọn và giao đủ công dân nhập ngũ năm 2024, đạt 100% chỉ tiêu. Đã tổ chức diễn tập khu vực phòng thủ các huyện, thành phố; tiếp tục đẩy nhanh tiến độ xây dựng các công trình quân sự trong khu vực phòng thủ tỉnh, khu vực phòng thủ các huyện, thành phố gắn với xây dựng thao trường huấn luyện cho lực lượng dân quân tự vệ (DQTV), dự bị động viên (DBĐV) trên địa bàn tỉnh. Công tác bảo quản, bảo dưỡng vũ khí trang bị được thực hiện đúng quy định.

- Công tác phòng ngừa, đấu tranh với các loại tội phạm, tệ nạn xã hội được đẩy mạnh, kết hợp với mở các đợt cao điểm tấn công, trấn áp tội phạm, đảm bảo trật tự an toàn giao thông. Kịp thời giải quyết hiệu quả nhiều điểm có tranh chấp, khiếu nại ngay ở cơ sở. Bảo vệ tuyệt đối an toàn các sự kiện chính trị lớn, quan trọng của đất nước, của địa phương. Các vụ án dư luận quan tâm đều được tập trung điều tra, phá án nhanh. Công tác quản lý Nhà nước về an ninh trật tự được củng cố và tăng cường. Công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo, phòng, chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí được triển khai nghiêm túc, hiệu quả.

2.5. Các chính sách đặc thù hiện hưởng: Không.

2.6. Tổ chức bộ máy, biên chế cán bộ, công chức trong hệ thống chính trị

a) Cấp tỉnh

- Đảng bộ:

Đảng bộ tỉnh Kiên Giang có 20 đảng bộ trực (12 đảng bộ huyện, 03 đảng bộ thành phố, 01 Đảng bộ các cơ quan Đảng tỉnh, 01 Đảng bộ Ủy ban nhân dân tỉnh và 03 đảng bộ lực lượng vũ trang), 771 tổ chức cơ sở đảng (đảng bộ cơ sở 278, chi bộ cơ sở 493) và 2.741 chi bộ, đảng bộ trực thuộc đảng ủy cơ sở (gồm 2.723 chi bộ và 18 đảng bộ bộ phận) với tổng số 64.293 đảng viên, chiếm 2,90% dân số tỉnh.

- Tỉnh ủy:

+ Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh có 47 đồng chí; Ban Thường vụ Tỉnh ủy có 13 đồng chí. Thường trực Tỉnh ủy có 03 đồng chí, gồm: Bí thư Tỉnh ủy; Phó Bí thư Thường trực Tỉnh ủy - Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh; Phó Bí thư Tỉnh ủy - Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

Cấp ủy, ban thường vụ, thường trực cấp ủy cấp tỉnh thực hiện chức năng, nhiệm vụ theo quy định của Điều lệ Đảng, quy định, hướng dẫn của Trung ương và Quy chế làm việc số 09-QC/TU ngày 08/11/2022 của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ và Thường trực Tỉnh ủy khóa XI, nhiệm kỳ 2020 - 2025.

+ Các cơ quan tham mưu giúp việc Tỉnh ủy gồm: Văn phòng Tỉnh ủy, Ban Tổ chức, Ban Nội chính, Ban Tuyên giáo và Dân vận, cơ quan Ủy ban Kiểm tra và 02 đơn vị sự nghiệp: Trường Chính trị, Báo Kiên Giang, với 253 người (trong đó có 08 cán bộ, 153 công chức, 53 viên chức, 39 người lao động).

- Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, 05 tổ chức chính trị - xã hội (Đoàn Thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh, Hội Liên hiệp phụ nữ, Hội Cựu chiến binh, Hội Nông dân, Liên đoàn Lao động), 17 Hội quần chúng được Đảng và nhà nước giao nhiệm vụ (Hội Chữ thập đỏ, Hội Văn học nghệ thuật, Hội Đông y, Hội Luật gia, Hội Người cao tuổi, Liên hiệp các tổ chức hữu nghị, Hội nhà báo, Hội Liên hiệp khoa học và kỹ thuật, Liên minh hợp tác xã, Hội Kiến trúc sư, Đoàn Luật sư, Hội Bảo trợ bệnh nhân nghèo, Hội Người mù, Hội Khuyến học, Hội Y dược học, Hội Cựu thanh niên xung phong, Hội Nạn nhân chất độc da cam/dioxin).

+ Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, 05 tổ chức chính trị - xã hội, với 273 người (08 cán bộ, 153 công chức, 73 viên chức, 39 người lao động), trong đó có 06 cấp trưởng và 16 cấp phó.

+ 17 Hội quần chúng được Đảng và nhà nước giao nhiệm vụ, trong đó có 09 Hội được giao biên chế với 70 người.

- Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân tỉnh:

+ Hội đồng nhân dân tỉnh hiện có 57 đại biểu (Trình độ chuyên môn: tiến sĩ có 01 đại biểu, chiếm 1,69%; thạc sĩ 30 đại biểu, chiếm 50,85%; đại học 25 đại biểu, chiếm 43,86%; trung cấp 01 đại biểu, chiếm 1,70%. Trình độ lý luận chính trị: cử nhân, cao cấp 51 đại biểu, chiếm 86,44%; trung cấp 04 đại biểu, chiếm 6,78%; sơ cấp, chưa qua đào tạo 04 đại biểu, chiếm 6,78%); Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh có Chủ tịch, 02 Phó Chủ tịch; 04 Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh gồm: Ban Kinh tế - Ngân sách, Ban Văn hóa - Xã hội, Ban Pháp chế, Ban Dân tộc và Văn phòng đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh (có 01 phó đoàn đại biểu Quốc hội chuyên trách), với 40 người (có 11 cán bộ, 20 công chức và 09 người lao động), trong đó có 05 cấp trưởng và 07 cấp phó (trừ chức danh Phó Chủ tịch HĐND và Phó trưởng đoàn Đại biểu Quốc hội chuyên trách).

+ Ủy ban nhân dân tỉnh có 04 lãnh đạo (gồm Chủ tịch, 03 Phó Chủ tịch) và 14 sở, cơ quan chuyên môn (gồm: Sở Nội vụ; Sở Tư pháp; Sở Tài chính; Sở Công Thương; Sở Nông nghiệp và Môi trường; Sở Xây dựng; Sở Khoa học và Công nghệ; Sở Văn hóa và Thể thao; Sở Giáo dục và Đào tạo; Sở Y tế; Sở Dân tộc và Tôn giáo; Sở Du lịch; Thanh tra tỉnh và Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh) và 02 cơ quan hành

chính khác (gồm Ban Quản lý khu kinh tế tỉnh; Ban Quản lý khu kinh tế Phú Quốc), với 11.437 người (04 cán bộ, 1.163 công chức, 9.557 viên chức và 713 người lao động), trong đó có 16 cấp trưởng và 55 cấp phó.

Có 10 đơn vị sự nghiệp gồm: Trường Cao đẳng Kiên Giang, Cao đẳng Nghề, Cao đẳng Sư phạm, Trung tâm phát triển quỹ đất, Vườn quốc gia U Minh Thượng, Vườn quốc gia Phú Quốc, Trung tâm Xúc tiến đầu tư Thương mại và Du lịch, Đài Phát thanh và Truyền hình, Ban Quản lý Dự án đầu tư xây dựng các công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn, Ban Quản lý Đầu tư Xây dựng - Giao thông, với 899 người (734 viên chức và 165 người lao động), trong đó có 09 cấp trưởng (khuyết cấp trưởng Trường cao đẳng nghề) và 20 cấp phó.

Các doanh nghiệp có 100% vốn nhà nước và doanh nghiệp có vốn nhà nước chi phối ở tỉnh Kiên Giang (Công ty TNHH MTV Xổ số kiến thiết Kiên Giang, Công ty cấp thoát nước Kiên Giang, Công ty Cổ phần Thương mại Kiên Giang, Công ty Nông lâm sản Kiên Giang,...) có tập thể lãnh đạo doanh nghiệp (Chủ tịch Hội đồng quản trị/Chủ tịch công ty và Ban Thường vụ hoặc Cấp ủy cùng cấp); người quản lý doanh nghiệp (Chủ tịch Hội đồng quản trị/Chủ tịch công ty; Tổng Giám đốc/Giám đốc; Phó Tổng Giám đốc/Phó Giám đốc; kiểm soát viên; kế toán,...) và người lao động. Hoạt động theo Luật Doanh nghiệp, các quy định của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và các quy định của pháp luật có liên quan.

b) Cấp huyện

- Tổ chức đảng: Có 15 đảng bộ trực Tỉnh ủy (12 đảng bộ huyện, 03 đảng bộ thành phố), 609 tổ chức cơ sở đảng (đảng bộ cơ sở 178, chi bộ cơ sở 431) và 1.976 chi bộ trực thuộc đảng ủy cơ sở với tổng số 52.584 đảng viên.

Các đảng bộ cấp huyện có các tổ chức đảng trực thuộc, gồm: có 143 đảng bộ cơ sở xã, phường, thị trấn; 307 chi bộ cơ sở cơ quan, 26 chi đảng bộ doanh nghiệp, 118 chi đảng bộ cơ sở đơn vị sự nghiệp, 15 đảng bộ cơ sở quân sự huyện.

- Mặt trận tổ quốc Việt Nam và các tổ chức đoàn thể chính trị - xã hội: có 375 người trong đó cấp trưởng 90 người; cấp phó 180 người.

- Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân cấp huyện:

+ Có 15 Hội đồng nhân dân huyện, thành phố, với 467 đại biểu, Thường trực Hội đồng nhân dân huyện, thành phố có Chủ tịch, Phó Chủ tịch; các Ban của Hội đồng nhân dân có Ban Kinh tế - Xã hội và Ban Pháp chế. Trong đó:

Trình độ chuyên môn: thạc sĩ 140 đại biểu, chiếm 29,98%; đại học 312 đại biểu, chiếm 66,81%; trung cấp, cao đẳng 05 đại biểu, chiếm 1,07%; sơ cấp và chưa qua đào tạo 10 đại biểu, chiếm 2,14%.

Trình độ lý luận chính trị: cử nhân, cao cấp 379 đại biểu, chiếm 81,16%; trung cấp 60 đại biểu, chiếm 12,85%; sơ cấp 10 đại biểu, chiếm 2,14%; chưa qua đào tạo 18 đại biểu, chiếm 3,85%.

+ Ủy ban nhân dân các huyện/thành phố có 10 phòng chuyên môn (gồm: Phòng Nội vụ; Phòng Tư pháp; Phòng Tài chính - Kế hoạch; Phòng Nông nghiệp và Môi trường (đối với huyện)/phòng Tài nguyên và Môi trường (đối với thành

phố; Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị; Phòng Giáo dục và Đào tạo; Phòng Văn hóa, Khoa học và Thông tin; Phòng Y tế; Thanh tra huyện/thành phố), với 18.667 người (biên chế giao 19.762 biên chế: Công chức: 1.222, viên chức 18.540), trong đó: công chức 1.177 người, viên chức 17.490 người; nam 7.485 người, nữ 11.182 người; có 1.577 người là đồng bào dân tộc thiểu số.

c) Cấp xã

- Tổ chức đảng: Đảng bộ xã, phường, thị trấn (cấp xã) thành lập theo quy định của Điều lệ Đảng. Các chi bộ trực thuộc đảng ủy cấp xã chủ yếu gồm các loại hình: Chi bộ ấp, chi bộ khu phố; chi bộ trạm y tế; chi bộ các trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở, chi bộ công an, chi bộ quân sự.

Tỉnh Kiên Giang hiện có 143 đảng bộ xã, phường, thị trấn với 1.894 chi bộ trực thuộc và 43.452 đảng viên.

- Hội đồng nhân dân các xã, phường, thị trấn: Gồm 143 Hội đồng nhân dân xã, phường, thị trấn với tổng số 3.614 đại biểu. Trong đó:

+ Trình độ chuyên môn: thạc sĩ 77 đại biểu, chiếm 2,13%; đại học 2.033 đại biểu, chiếm 56,25%; trung cấp, cao đẳng 864 đại biểu, chiếm 23,91%; sơ cấp và chưa qua đào tạo 640 đại biểu, chiếm 17,71%.

+ Trình độ lý luận chính trị: cử nhân, cao cấp 358 đại biểu, chiếm 9,91%; trung cấp 2.026 đại biểu, chiếm 56,06%; sơ cấp 832 đại biểu, chiếm 23,02%; chưa qua đào tạo 398 đại biểu, chiếm 11,01%.

- Cán bộ, công chức cấp xã có 2.978 người, trong đó: cán bộ 1.528 người, công chức 1.450 người; nam 2.005 người, nữ 973 người; dân tộc thiểu số 141 người. Trong đó:

- Người hoạt động không chuyên trách cấp xã đã bố trí là 1.690 người.

- Người hoạt động không chuyên trách ở ấp, khu phố đã bố trí là 1.898 người.

Phần III

PHƯƠNG ÁN HỢP NHẤT ĐVHC CẤP TỈNH

I. PHƯƠNG ÁN VÀ KẾT QUẢ HỢP NHẤT ĐVHC CẤP TỈNH

1. Phương án

a) Thành lập tỉnh An Giang trên cơ sở hợp nhất toàn bộ diện tích tự nhiên là 3.536,83 km², quy mô dân số là 2.741.851 người của tỉnh An Giang và toàn bộ diện tích tự nhiên là 6.352,08 km², quy mô dân số là 2.210.387 người của tỉnh Kiên Giang.

b) Cơ sở và lý do đề xuất phương án, lựa chọn tên gọi và trung tâm hành chính - chính trị của ĐVHC cấp tỉnh sau sắp xếp

- Cơ sở và lý do đề xuất phương án:

Căn cứ chủ trương, quan điểm, định hướng, mục tiêu, yêu cầu, nhiệm vụ, lộ trình, kế hoạch của Bộ Chính trị, Ban Bí thư, Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ; qua rà soát, nghiên cứu rất kỹ phương án sắp xếp trên cơ sở các tiêu chí về diện tích tự nhiên, quy mô dân số theo Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của ĐVHC và phân loại ĐVHC; lịch sử, truyền thống, văn hóa, dân tộc; địa kinh tế; địa chính trị; quốc phòng, an ninh trong khu vực biên giới phía Tây Nam của Tổ quốc. Theo đó, Kiên Giang và An Giang là 02 ĐVHC cấp tỉnh có vị trí liền kề, có nhiều nét tương đồng về điều kiện tự nhiên, truyền thống lịch sử hình thành gắn liền với lịch sử cách mạng miền Tây Nam bộ, lịch sử kháng chiến của Khu 9 trong thời kỳ kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ; giao thoa tương đồng về văn hóa, phong tục, tín ngưỡng và dân tộc; có quy mô nền kinh tế tương đương và tương hỗ lẫn nhau trong định hướng phát triển chung của vùng; hệ thống giao thông kết nối đồng bộ giữa hai tỉnh, trong đó An Giang là tỉnh có tiêu chuẩn về diện tích tự nhiên chưa đảm bảo tiêu chuẩn theo quy định tại điểm b, khoản 2 Điều 1 Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của ĐVHC và phân loại ĐVHC. Việc sáp nhập tỉnh Kiên Giang và tỉnh An Giang sẽ hình thành một tỉnh có quy mô kinh tế lớn nhất vùng Tây Nam bộ, với sự kết hợp giữa kinh tế biển, thương mại biên giới, nông nghiệp và du lịch; khai thác tối đa tiềm năng, lợi thế về vị trí địa lý, quỹ đất gắn với lợi thế về giao thương biên giới, cảng biển và du lịch.

Việc hợp nhất tỉnh An Giang và tỉnh Kiên Giang nhằm thực hiện các chủ trương của Đảng và nhà nước, của Tỉnh; là thực sự cần thiết, đảm bảo phù hợp với các tiêu chí về tiêu chuẩn, lịch sử, truyền thống, văn hóa, dân tộc, địa kinh tế, địa chính trị và quốc phòng, an ninh; đảm bảo tuân thủ Hiến pháp, chủ trương, định hướng của Bộ Chính trị, Ban Bí thư và thẩm quyền, trình tự, thủ tục đúng theo quy định tại Luật Tổ chức chính quyền địa phương, các Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Kế hoạch của Chính phủ. Việc hợp nhất tỉnh An Giang và tỉnh Kiên Giang gắn liền với đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả; phát huy tiềm năng, lợi thế, mở rộng không gian phát triển của các ĐVHC nhằm nâng cao hiệu quả đầu tư kinh tế - xã hội, đảm bảo phát triển hài hòa và bền vững trong giai đoạn mới; đẩy mạnh phân cấp, phân quyền, tăng cường tính tự chủ, tự chịu trách nhiệm của chính quyền địa phương; cơ cấu lại và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, người lao động; bảo đảm chính quyền cấp cơ sở gần dân, sát dân và phục vụ người dân được tốt nhất; tạo lập cơ sở pháp lý cho công tác quy hoạch xây dựng và phát triển của toàn vùng, gắn kết chặt chẽ với đảm bảo chủ quyền, quốc phòng, an ninh, trật tự an toàn xã hội vùng đồng bằng sông Cửu Long nói chung và khu vực biên giới phía Tây Nam của Tổ quốc nói riêng.

- Cơ sở và lý do lựa chọn tên gọi:

Căn cứ chủ trương, quan điểm, định hướng của Bộ Chính trị, Ban Bí thư tại Kết luận số 127-KL/TW ngày 28/02/2025, Kết luận số 130-KL/TW ngày 14/3/2025, Kết luận số 137-KL/TW ngày 28/3/2025 và Nghị quyết số 60-NQ/TW

ngày 12/4/2025 tại Hội nghị lần thứ 11 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII; qua rà soát, cân nhắc, phối hợp với tỉnh An Giang nghiên cứu kỹ phương án sắp xếp và tổ chức lấy ý kiến cử tri theo quy định trên địa bàn 02 tỉnh, tỉnh Kiên Giang và tỉnh An Giang đề xuất tên ĐVHC cấp tỉnh sau hợp nhất là **“tỉnh An Giang”**. Việc đặt tên ĐVHC cấp tỉnh sau hợp nhất là **“tỉnh An Giang”** là phù hợp với các yếu tố lịch sử, đây cũng là địa danh đã có từ lâu, dễ đọc, dễ nhớ và dễ nhận diện. Thêm vào đó, việc tỉnh An Giang hiện hữu có quy mô dân số lớn hơn, đồng thời sử dụng một trong các tên gọi đã có của các ĐVHC trước khi sắp xếp để đặt tên cho ĐVHC hình thành sau sắp xếp nhằm hạn chế xáo trộn, giảm khối lượng công việc để thực hiện các thủ tục chuyển đổi con dấu, giấy tờ cho các tổ chức, cá nhân ở các ĐVHC chịu sự tác động và tránh lãng phí. Việc đặt tên ĐVHC, Ủy ban nhân dân Kiên Giang và Ủy ban nhân dân An Giang thực hiện theo đúng quy định tại Luật Tổ chức chính quyền địa phương, Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 7 Nghị quyết số 76/2025/UBTVQH15 và được đông đảo cử tri trên địa bàn đồng tình ủng hộ.

- Cơ sở và lý do lựa chọn trung tâm hành chính - chính trị:

Qua rà soát, nghiên cứu kỹ phương án, Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang và Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang thống nhất đề xuất đặt trụ sở Trung tâm chính trị - hành chính của tỉnh An Giang mới tại thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang hiện nay với lý do trụ sở nằm ở vị trí trung tâm của khu vực trung tâm kinh tế biển của quốc gia; là cửa ngõ, đầu mối giao thông, giao thương, giao lưu quốc tế quan trọng khu vực phía Tây Nam của Tổ quốc; có hệ thống giao thông phát triển đồng bộ, hiện đại bao gồm sân bay, đường bộ, cảng,...; đảm bảo các điều kiện về cơ sở hạ tầng để chính quyền tỉnh mới tổ chức hoạt động. Đồng thời, khu vực dự kiến đặt trụ sở có tỷ lệ đô thị hóa rất cao, dân cư tập trung đông đúc, tạo điều kiện thuận lợi cho nhân dân trong sinh hoạt, sản xuất, học tập, giao dịch hành chính và quản lý của chính quyền địa phương sau khi sắp xếp.

2. Kết quả

a) Tỉnh An Giang có 9.888,91 km² (đạt 197,78% so với tiêu chuẩn), quy mô dân số 4.952.238 người (đạt 353,73% so với tiêu chuẩn) và 102 ĐVHC cấp cơ sở trực thuộc (gồm 85 xã, 14 phường và 03 đặc khu).

b) Các ĐVHC cùng cấp liền kề: Tỉnh An Giang giáp các tỉnh Cà Mau, Đồng Tháp, Thành phố Cần Thơ và Vương quốc Campuchia.

c) Nơi đặt Trung tâm chính trị - hành chính của tỉnh An Giang: Tại thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang hiện nay.

II. GIẢI TRÌNH TRƯỜNG HỢP ĐVHC CẤP TỈNH HÌNH THÀNH SAU SẮP XẾP KHÔNG ĐẠT TIÊU CHUẨN DIỆN TÍCH TỰ NHIÊN, QUY MÔ DÂN SỐ THEO QUY ĐỊNH: KHÔNG.

Phần IV

ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG VÀ TỔ CHỨC THỰC HIỆN

I. ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG KHI THỰC HIỆN HỢP NHẤT ĐVHC CẤP TỈNH

1. Tác động đến hoạt động quản lý nhà nước

1.1. Tác động tích cực

- Thực hiện sắp xếp, sáp nhập tỉnh tạo ra thay đổi tích cực, gắn liền với đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả; phát huy tiềm năng, lợi thế, mở rộng không gian phát triển của các ĐVHC nhằm nâng cao hiệu quả đầu tư kinh tế - xã hội, đảm bảo phát triển hài hòa và bền vững trong giai đoạn mới; đẩy mạnh phân cấp, phân quyền, tăng cường tính tự chủ, tự chịu trách nhiệm của chính quyền địa phương; cơ cấu lại và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, người lao động; bảo đảm chính quyền gần dân, sát dân và phục vụ người dân được tốt nhất.

- Tạo điều kiện tối ưu hoá nguồn lực tài chính, phân bổ ngân sách hợp lý hơn cho an sinh xã hội, thực hiện hiệu quả các hoạt động thiết yếu phục vụ Nhân dân, nâng cao chất lượng cuộc sống của cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và của Nhân dân địa phương. Đây sẽ là nguồn lực quan trọng giúp nước ta thực hiện các mục tiêu phát triển bền vững, nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân và rút ngắn khoảng cách với các quốc gia phát triển.

- Cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức theo vị trí việc làm, góp phần nâng cao chất lượng và trách nhiệm công vụ của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức tại những ĐVHC thực hiện sắp xếp; cán bộ, công chức thấy rõ trách nhiệm của mình đối với công việc, thường xuyên tu dưỡng đạo đức, trau dồi nghiệp vụ để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ trong giải quyết công việc. Đối với những người không đủ điều kiện tiêu chuẩn, không đáp ứng được yêu cầu tình hình mới thì thực hiện chính sách tinh giản biên chế.

- Khắc phục một phần tình trạng biệt lập trong hoạch định và thực thi chính sách của các địa phương; góp phần kết nối đồng bộ cơ sở hạ tầng của nhiều ĐVHC trong khu vực; chia sẻ, lan tỏa kinh nghiệm tốt trong quản lý nhà nước và phát triển kinh tế giữa các khu vực có trình độ quản lý và phát triển kinh tế cao với khu vực liền kề.

1.2. Hạn chế, khó khăn

- Việc sắp xếp, sáp nhập tỉnh bước đầu có thể gây ra các khó khăn về địa lý, giao thông đi lại của người dân và doanh nghiệp khi có liên hệ công tác, giải quyết thủ tục hành chính với chính quyền cấp tỉnh; số lượng cán bộ, công chức, viên chức, người hoạt động không chuyên trách dồi dào dư thừa, khó khăn trong công tác bố trí, sắp xếp và giải quyết chế độ, chính sách dồi dào.

- Việc mở rộng quy mô ĐVHC trong bối cảnh cuộc cách mạng 4.0 đòi hỏi đội ngũ cán bộ, công chức của chính quyền địa phương các cấp, nhất là cấp cơ sở phải giỏi thích ứng với sự thay đổi về chuyên môn nghiệp vụ và có trình độ quản lý

nhà nước phù hợp với vị trí việc làm, có khả năng ngoại ngữ và tin học để tiếp nhận các xu thế công nghệ mới và biết áp dụng công nghệ thông tin vào quản lý nhà nước ở địa phương. Tuy nhiên, trên thực tế, năng lực của đội ngũ cán bộ, công chức của chính quyền địa phương nói chung chưa đồng đều, còn nhiều hạn chế, yếu kém; còn thiếu chuyên nghiệp, làm việc không đúng chuyên môn, sở trường. Theo đó, năng lực của đội ngũ cán bộ, công chức của chính quyền địa phương là thách thức và là yêu cầu bắt buộc trong quá trình thực hiện đổi mới tổ chức và hoạt động của chính quyền phương.

- Việc sắp xếp đội ngũ cán bộ, công chức tác động, ảnh hưởng đến tâm tư nguyện vọng của cán bộ, công chức trên địa bàn.

1.3. Giải pháp

- Chủ động xây dựng quy định về nguyên tắc, điều kiện, tiêu chuẩn, cơ cấu, số lượng, quy trình lựa chọn, bố trí sắp xếp và thực hiện chính sách đối với cán bộ, công chức, người hoạt động không chuyên trách dôi dư khi thực hiện sắp xếp với nhiều phương án để thực hiện có hiệu quả, đảm bảo theo quy định.

- Tổ chức quán triệt, hướng dẫn, vận động đến từng cán bộ, công chức để có sự đồng thuận, nhất trí cao trước khi triển khai thực hiện. Mục tiêu là chọn được cán bộ đảm bảo điều kiện, tiêu chuẩn, nổi trội trong đội ngũ hiện có, bố trí hợp lý, sau sắp xếp bộ máy mới vận hành ổn định.

- Rà soát, đánh giá chất lượng của đội ngũ cán bộ, công chức của chính quyền địa phương các cấp; thực hiện luân chuyển, điều động, bố trí cán bộ, công chức dôi dư có đủ tiêu chuẩn, điều kiện để bố trí theo quy định của pháp luật cho các cơ quan trung ương (nếu đảm bảo tiêu chuẩn, điều kiện, phù hợp với vị trí việc làm).

2. Tác động đến phát triển kinh tế

2.1. Tác động tích cực

- Việc sắp xếp, sáp nhập tỉnh giúp khắc phục tình trạng nền kinh tế bị chia cắt, manh mún, nhỏ lẻ hoặc đầu tư dàn trải, trùng lặp. Sau sắp xếp ĐVHC cấp tỉnh sẽ hình thành các ĐVHC mới có quy mô lớn, mở rộng không gian phát triển, phát huy tối đa tiềm năng, lợi thế sẵn có của các địa phương, tạo thuận lợi để thu hút các dự án đầu tư hạ tầng giao thông, hạ tầng đô thị, hạ tầng thương mại, dịch vụ, tạo kết nối và giao lưu phát triển giữa các địa phương, từ đó nâng cao tính tự chủ, khả năng thích ứng, sức chống chịu của nền kinh tế địa phương, đủ tiềm lực để cạnh tranh với các ĐVHC của các nước trong khu vực và trên thế giới.

- Việc sắp xếp, sáp nhập tỉnh góp phần giải quyết triệt để các vấn đề về sử dụng tài nguyên, môi trường, khắc phục một phần tình trạng biệt lập trong hoạch định và thực thi chính sách của các địa phương.

- Tạo điều kiện thuận lợi trong việc phát huy tiềm năng, lợi thế của các địa phương về điều kiện tự nhiên, nguồn nhân lực trong phát triển kinh tế - xã hội; sắp xếp hợp lý nguồn lao động, tạo ra động lực mới cho sự phát triển, góp phần thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, chuyển dịch cơ cấu kinh tế, tăng cường quản lý nhà nước,

đảm bảo quốc phòng, an ninh, phù hợp với nguyện vọng của các cấp ủy đảng, chính quyền và Nhân dân địa phương.

- Trung tâm kinh tế nông nghiệp bền vững, năng động và hiệu quả cao của quốc gia, khu vực và thế giới trên cơ sở phát triển hệ thống các trung tâm đầu mối về nông nghiệp, các hành lang kinh tế và các đô thị động lực tập trung các dịch vụ và công nghiệp đa dạng với hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ, thích ứng với biến đổi khí hậu; phát triển kinh tế biển; kinh tế du lịch.

2.2. Hạn chế, khó khăn

- Cơ cấu nông, lâm, thủy sản chiếm tỷ trọng cao trong cơ cấu kinh tế là thách thức lớn cho phát triển kinh tế.

- Sắp xếp, sáp nhập tỉnh làm thay đổi địa giới ĐVHC cấp tỉnh có liên quan, phát sinh chi ngân sách để khắc các con dấu pháp lý mới và để thực hiện chỉnh lý, bổ sung hồ sơ, bản đồ địa giới ĐVHC các cấp, chỉnh lý, bổ sung quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội, quy hoạch xây dựng đô thị, quy hoạch phát triển ngành, lĩnh vực.

- Khi sắp xếp ĐVHC cấp tỉnh, các chính sách hỗ trợ doanh nghiệp, thu hút đầu tư có thể bị thay đổi, gây gián đoạn hoạt động sản xuất - kinh doanh; ảnh hưởng đến doanh nghiệp và nhà đầu tư; việc thay đổi địa giới hành chính có thể làm gián đoạn các quy hoạch kinh tế - xã hội, gây chậm trễ trong triển khai các dự án đầu tư công.

- Một số doanh nghiệp và người dân có thể lo ngại việc thay đổi địa giới hành chính sẽ ảnh hưởng đến quyền lợi, nhất là về thuế, đất đai, vay vốn kinh doanh. Tâm lý chưa quen với sự thay đổi có thể làm chậm tiến trình chuyển đổi, ảnh hưởng đến tốc độ phát triển kinh tế - xã hội của khu vực.

- Cả hai tỉnh An Giang và Kiên Giang đều thuộc vùng trọng điểm sản xuất lúa gạo của đồng bằng sông Cửu Long, với quỹ đất nông nghiệp rất lớn, nên khi thực hiện hợp nhất tỉnh An Giang và tỉnh Kiên Giang thì quỹ đất nông nghiệp sẽ rất lớn, làm tăng tỷ trọng ngành nông - lâm - thủy sản trong cơ cấu kinh tế của tỉnh, ảnh hưởng đến quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa và tốc độ đô thị hóa trên địa bàn.

2.3. Giải pháp

- Thực hiện khẩn trương, nghiêm túc các chủ trương, chính sách của Trung ương, nhất là khi có điều chỉnh về pháp luật,...

- Khẩn trương rà soát, bổ sung quy hoạch của tỉnh, đảm bảo tính liên kết, hệ thống, hiệu quả và bền vững. Gắn với rà soát, bổ sung quy hoạch đô thị, đẩy nhanh tốc độ đô thị hóa và nâng cao chất lượng đô thị, phát triển chuỗi đô thị động lực của tỉnh đảm bảo hiện đại, thông minh và chủ động thích ứng với biến đổi khí hậu.

- Xây dựng kế hoạch chi tiết, rõ ràng để hạn chế gián đoạn đến hoạt động kinh tế và đời sống của người dân; đánh giá kỹ lưỡng các tác động trước khi thực hiện để tránh ảnh hưởng tiêu cực đến doanh nghiệp và nhà đầu tư.

- Thực hiện cải cách thủ tục hành chính, đơn giản hóa thủ tục hành chính, tạo

điều kiện thuận lợi để doanh nghiệp duy trì hoạt động bình thường; hỗ trợ đào tạo nghề, chuyển đổi việc làm cho người lao động bị ảnh hưởng bởi quá trình sắp xếp ĐVHC.

- Tăng cường các hoạt động đối thoại giữa chính quyền và Nhân dân để lắng nghe và kịp thời hướng dẫn, giải quyết những vướng mắc phát sinh trong quá trình thực hiện.

- Tạo cơ chế thông thoáng, chính sách ưu đãi đối với các nhà đầu tư; đẩy mạnh hơn nữa cải cách thủ tục hành chính, chính quyền điện tử nhằm giải quyết nhanh chóng thủ tục hành chính nhằm thực hiện có hiệu quả các mục tiêu, chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội.

3. Tác động về xã hội

3.1. Tác động tích cực

- Sắp xếp, sáp nhập tỉnh tạo điều kiện quy hoạch tốt hơn về hạ tầng, giao thông, tăng nguồn lực đầu tư, phát triển kinh tế địa phương, thu hút doanh nghiệp và nhà đầu tư, từ đó thúc đẩy sự phát triển kinh tế của địa phương và nâng cao chất lượng đời sống của Nhân dân; tạo thêm việc làm, thu nhập cho người dân.

- Tạo điều kiện giải quyết tốt hơn các vấn đề về ô nhiễm môi trường, thu gom, xử lý chất thải, các vấn đề an sinh xã hội trên địa bàn.

- Góp phần kéo gần khoảng cách giữa Nhân dân với chính quyền địa phương và Trung ương; từ đó tăng cường bảo đảm quyền làm chủ của Nhân dân, quyền tham gia quản lý nhà nước và xã hội của công dân với chính quyền địa phương.

- Việc hợp nhất tỉnh An Giang và tỉnh Kiên Giang, đồng thời bỏ cấp trung gian (cấp huyện) gắn với đẩy mạnh phân cấp, phân quyền cho chính quyền địa phương là căn cứ để cải cách hành chính theo hướng đơn giản hóa trình tự, thủ tục, hồ sơ, giúp tiết kiệm chi phí cho người dân và doanh nghiệp trên địa bàn.

- Sự tương đồng về các yếu tố dân tộc, tôn giáo, ngôn ngữ, phong tục, tập quán và các mối quan hệ kinh tế, chính trị truyền thống giữa các ĐVHC thực hiện sắp xếp tạo điều kiện cho việc mở rộng khối đại đoàn kết toàn dân, thúc đẩy các hoạt động giao lưu văn hoá giữa các cộng đồng dân cư trong khu vực.

3.2. Hạn chế, khó khăn

Việc sắp xếp, sáp nhập tỉnh dẫn đến một trong hai địa phương mất đi địa danh truyền thống, ảnh hưởng đến văn hóa, bản sắc địa phương, tác động đến tâm tư, tình cảm của Nhân dân trên địa bàn.

3.3. Giải pháp

- Làm tốt công tác tuyên truyền, giải thích rõ lợi ích của việc sắp xếp, sáp nhập tỉnh để tạo sự đồng thuận từ người dân.

- Bảo tồn văn hóa, địa danh truyền thống để tránh mất đi giá trị lịch sử của từng ĐVHC các cấp.

- Tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 05-CT/TW ngày 15/5/2016 của Bộ Chính trị về đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh để nâng



cao hiệu quả hoạt động. Thực hiện có hiệu quả các mục tiêu, chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội. Áp dụng rộng rãi hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001:2015, văn phòng điện tử và một cửa điện tử. Tập trung giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo của công dân theo đúng quy định. Làm tốt công tác thực hành tiết kiệm, phòng, chống tham nhũng, lãng phí. Duy trì thường xuyên chế độ giao ban hàng tuần. Thực hiện tốt quy chế dân chủ ở cơ sở, phối hợp với Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội, vận động Nhân dân thực hiện tốt các nghị quyết, chỉ thị, chủ trương, đường lối của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước, gắn với trách nhiệm công dân, kỷ luật, kỷ cương xã hội, đấu tranh xử lý nghiêm những hành vi lợi dụng dân chủ để gây rối trật tự công cộng.

4. Tác động về quốc phòng, an ninh chính trị, trật tự xã hội

4.1. Tác động tích cực

- Sau khi sắp xếp, sáp nhập tỉnh thì diện tích tự nhiên, quy mô dân số của ĐVHC cấp tỉnh lớn hơn, thuận lợi cho việc xây dựng kế hoạch tác chiến, phòng thủ theo địa bàn, khu vực.

- Sắp xếp, sáp nhập tỉnh sẽ giảm số lượng ĐVHC cấp tỉnh, tạo điều kiện thuận lợi cho việc chỉ đạo, điều hành tập trung, thống nhất hơn của lực lượng Quân sự, Công an; cán bộ phụ trách địa bàn được bổ sung, theo đó thực hiện tốt hơn các nhiệm vụ quân sự, an ninh tại địa bàn. Từ đó, công tác đảm bảo quốc phòng, an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội, đặc biệt là ở địa bàn cơ sở sẽ ổn định hơn.

4.2. Hạn chế, khó khăn

Sau khi sắp xếp, sáp nhập tỉnh dẫn đến địa bàn rộng, đường biên giới dài (cả trên bộ và trên biển), tại một số khu vực địa hình chia cắt, dân cư sống không tập trung và một số khu dân cư cách xa trụ sở hành chính của cấp tỉnh, có đông đồng bào dân tộc, tôn giáo. Vì vậy, khi phát sinh các vấn đề xã hội tại các khu dân cư có thể không được giải quyết kịp thời, dễ xảy ra các mâu thuẫn kéo dài, ảnh hưởng đến an ninh, trật tự.

4.3. Giải pháp

- Rà soát, bổ sung và tổ chức thực hiện nghiêm túc các chương trình, kế hoạch, nghị quyết về quốc phòng, an ninh chính trị, trật tự xã hội.

- Hoàn thành 100% chỉ tiêu giao quân, huấn luyện dân quân tự vệ, giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội. củng cố, tăng cường quốc phòng, an ninh; xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân vững chắc, giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội.

- Phát huy sức mạnh tổng hợp của toàn dân, của cả hệ thống chính trị, thực hiện tốt các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về nhiệm vụ quốc phòng, an ninh trong tình hình mới. Giữ vững ổn định chính trị, trật tự, an toàn xã hội; chủ động đấu tranh ngăn chặn làm thất bại âm mưu, hoạt động chống phá của các thế lực thù địch, không để bị động, bất ngờ trong mọi tình huống.

- Tăng cường sức mạnh quốc phòng, an ninh; tạo nền tảng vững chắc xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân. Kết hợp chặt chẽ kinh tế với quốc phòng, an ninh; quốc phòng, an ninh với kinh tế trong thực hiện quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội.

- Xây dựng lực lượng vũ trang địa phương vững mạnh, có sức chiến đấu cao, đồng thời quan tâm xây dựng lực lượng dự bị động viên, dân quân tự vệ. Thực hiện tốt công tác tuyển quân và chính sách hậu phương quân đội.

5. Tác động về cải cách thủ tục hành chính và cung cấp dịch vụ công

5.1. Tác động tích cực

- Tiết kiệm ngân sách nhà nước hằng năm cho thực hiện cải cách thủ tục hành chính và cung cấp dịch vụ công do giảm số lượng ĐVHC.

- Có điều kiện tập trung nguồn lực để đầu tư có trọng tâm, trọng điểm, áp dụng các tiến bộ khoa học, công nghệ thông tin, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực trong giải quyết thủ tục hành chính và cung cấp dịch vụ công tại tỉnh An Giang mới hình thành sau sắp xếp, sáp nhập.

5.2. Hạn chế, khó khăn

- Sau khi sắp xếp, sáp nhập do địa bàn rộng sẽ có một số bộ phận dân cư cách xa trung tâm tỉnh, từ đó khó khăn trong việc liên hệ với các cơ quan quản lý nhà nước khi thực hiện các thủ tục hành chính có liên quan.

- Việc sắp xếp, sáp nhập tỉnh làm khối lượng công việc liên quan đến thủ tục hành chính sẽ gia tăng đột biến do phải thực hiện chuyển đổi các loại giấy tờ cho nhân dân, cơ quan, doanh nghiệp.

5.3. Giải pháp

- Triển khai và tổ chức thực hiện nghiêm túc các hướng dẫn của Trung ương liên quan thủ tục hành chính.

- Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong giải quyết thủ tục hành chính; tuyên truyền, hỗ trợ sử dụng dịch vụ công trực tuyến để thực hiện đồng bộ, thống nhất và thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp.

- Trước mắt, có thể bố trí các đơn vị của chính quyền địa phương đặt tại các địa điểm xa khu trung tâm để không gây khó khăn cho người dân trong việc liên hệ với các cơ quan quản lý nhà nước khi thực hiện các thủ tục hành chính và cung cấp dịch vụ công. Đồng thời, phát huy hiệu quả Trung tâm phục vụ hành chính công cấp xã để giải quyết kịp thời thủ tục hành chính cho cơ quan chính quyền, người dân và doanh nghiệp.

- Bố trí và đào tạo đội ngũ cán bộ, công chức làm việc có tinh thần trách nhiệm cao, có trình độ chuyên môn đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ. Qua đó, tạo điều kiện phục vụ nhân dân tốt hơn.

II. PHƯƠNG ÁN SẮP XẾP TỔ CHỨC BỘ MÁY, BỐ TRÍ ĐỘI NGŨ CÁN BỘ, CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC, NGƯỜI LAO ĐỘNG VÀ GIẢI QUYẾT CHẾ ĐỘ, CHÍNH SÁCH KHI THỰC HIỆN HỢP NHẤT ĐVHC CẤP TỈNH

1. Phương án và lộ trình sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy cơ quan, tổ chức sau hợp nhất ĐVHC cấp tỉnh

1.1. Tổ chức Đảng

a) Về tổ chức

Thực hiện theo quyết định của Bộ Chính trị thành lập Đảng bộ mới của tỉnh An Giang trên cơ sở hợp nhất Đảng bộ tỉnh An Giang và Đảng bộ tỉnh Kiên Giang trước khi sắp xếp. Đồng thời chỉ định Ban Chấp hành, Ban Thường vụ, Bí thư, Phó Bí thư, Ủy viên Ủy ban Kiểm tra, Chủ nhiệm, Phó Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy An Giang nhiệm kỳ 2020 - 2025 theo quy định. Nhiệm kỳ kế tiếp, số lượng Ủy viên Ban Chấp hành, Ủy viên Ban Thường vụ, Phó Bí thư; số lượng Ủy viên, Phó Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy thực hiện đúng theo quy định của Bộ Chính trị và các hướng dẫn của Trung ương.

b) Về cơ cấu, số lượng cấp ủy viên, ủy viên ban thường vụ, phó bí thư cấp ủy nhiệm kỳ 2020 - 2025

Cơ cấu, số lượng cấp ủy viên, ủy viên ban thường vụ, phó bí thư cấp ủy nhiệm kỳ 2020 - 2025 của tỉnh An Giang hình thành sau sắp xếp thực hiện theo Kết luận số 150-KL/TW của Bộ Chính trị hướng dẫn xây dựng phương án nhân sự cấp ủy cấp tỉnh thuộc diện hợp nhất, sáp nhập và cấp xã thành lập mới.

c) Các cơ quan tham mưu, giúp việc cho Tỉnh ủy: Văn phòng Tỉnh ủy, cơ quan Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy, Ban Tổ chức Tỉnh ủy, Ban Nội chính Tỉnh ủy, Ban Tuyên giáo và Dân vận Tỉnh ủy; 02 đơn vị sự nghiệp thuộc Tỉnh ủy: Trường Chính trị Tôn Đức Thắng và Báo, Đài Phát thanh Truyền hình An Giang theo quy định.

1.2. Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các đoàn thể chính trị - xã hội và các Hội quần chúng do Đảng và Nhà nước giao nhiệm vụ

Thực hiện hợp nhất Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội, các Hội quần chúng được Đảng và Nhà nước giao nhiệm vụ theo quy định của pháp luật có liên quan và hướng dẫn của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam Trung ương.

1.3. Tổ chức chính quyền địa phương

Chính quyền tỉnh An Giang gồm Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân. Thực hiện nhập nguyên trạng các ban chuyên môn thuộc HĐND, Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh; các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh được tổ chức thống nhất ở tỉnh An Giang và tỉnh Kiên Giang. Theo đó:

a) Hội đồng nhân dân tỉnh

- Đại biểu Hội đồng nhân dân của tỉnh An Giang (57 đại biểu) và đại biểu Hội đồng nhân dân của tỉnh Kiên Giang (57 đại biểu) trước sắp xếp hợp thành Hội đồng nhân dân của tỉnh An Giang mới (114 đại biểu) và tiếp tục hoạt động cho đến hết nhiệm kỳ 2021 - 2026 theo quy định tại Luật Tổ chức chính quyền địa phương.

- Hội đồng nhân dân tỉnh An Giang sau sắp xếp tổ chức 04 ban chuyên môn giúp việc, gồm: Ban Pháp chế, Ban Kinh tế - Ngân sách, Ban Văn hóa - Xã hội; Ban Dân tộc và Văn phòng Đoàn Đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh trên cơ sở hợp nhất các Ban, Văn phòng có cùng chức năng, nhiệm vụ của Hội đồng nhân dân tỉnh An Giang và Hội đồng nhân dân tỉnh Kiên Giang trước sắp xếp.

- Kỳ họp thứ nhất của Hội đồng nhân dân tỉnh An Giang do 01 triệu tập viên do Ủy ban Thường vụ Quốc hội chỉ định, để triệu tập và chủ tọa cho đến khi Hội đồng nhân dân bầu ra Chủ tịch Hội đồng nhân dân của tỉnh An Giang.

- Hội đồng nhân dân tỉnh An Giang bầu các chức danh của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định tại Luật Tổ chức chính quyền địa phương và hoạt động cho đến khi Hội đồng nhân dân khóa mới được bầu ra.

- Số lượng Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân: 02 Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh An Giang và 02 Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh Kiên Giang tiếp tục được bố trí là Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh An Giang sau sắp xếp cho đến hết nhiệm kỳ 2021 - 2026. Số lượng Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân ở khóa tiếp theo thực hiện theo quy định tại Luật Tổ chức chính quyền địa phương.

- Khóa của Hội đồng nhân dân tỉnh An Giang mới là khóa X theo quy định tại khoản 3 Điều 10 Nghị quyết số 76/2025/UBTVQH15.

b) Ủy ban nhân dân tỉnh

- Các chức danh của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang mới do Hội đồng nhân dân tỉnh An Giang mới bầu hoặc phê chuẩn theo quy định tại Luật Tổ chức chính quyền địa phương. Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang mới gồm Chủ tịch, các Phó Chủ tịch và các ủy viên Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định.

- Số lượng Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang sau sắp xếp (06 người) là số lượng Phó Chủ tịch hiện có mặt của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang (03 người) và Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang (03 người) trước sắp xếp.

- Các cơ quan chuyên môn, cơ quan hành chính khác và đơn vị sự nghiệp thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang sau hợp nhất gồm: 14 sở, ngành chuyên môn (Văn phòng UBND, Sở Nội vụ, Sở Tư pháp, Sở Tài chính, Sở Công Thương, Sở Nông nghiệp và Môi trường, Sở Xây dựng, Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Văn hóa và Thể thao, Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Y tế, Sở Dân tộc và Tôn giáo, Sở Du lịch, Thanh tra tỉnh), 02 cơ quan hành chính khác (Ban Quản lý khu kinh tế tỉnh; Ban Quản lý Khu kinh tế Phú Quốc) và 13 đơn vị sự nghiệp (Trường Cao đẳng nghề An Giang, Trường Cao đẳng Y tế An Giang; Trường Cao đẳng Kiên Giang; Trường Cao đẳng nghề Kiên Giang; Trường Cao đẳng sư phạm Kiên Giang; Trung tâm phát triển quỹ đất Kiên Giang; Vườn quốc gia U Minh Thượng; Vườn quốc

gia Phú Quốc; Trung tâm Đầu tư, xúc tiến Thương mại và Du lịch Kiên Giang; Ban Quản lý Di tích Văn hóa Óc Eo; Ban Quản lý Khu di tích quốc gia Núi Sam; Ban quản lý Dự án đầu tư xây dựng các công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn Kiên Giang; Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng - giao thông Kiên Giang (*Hiện tại tỉnh An Giang có Ban Quản lý Dự án. Tỉnh Kiên Giang có Ban Quản lý dự án đầu tư Xây dựng - Giao thông và Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn, sắp xếp lại còn 02 ban quản lý*). Sau hợp nhất, Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang tổ chức xây dựng đề án thành lập, tổ chức lại các cơ quan chuyên môn, cơ quan hành chính và các đơn vị sự nghiệp thuộc tỉnh theo quy định.

- Đối với các doanh nghiệp có 100% vốn nhà nước và doanh nghiệp có vốn nhà nước chi phối: Trước mắt giữ nguyên trạng các doanh nghiệp có 100% vốn nhà nước và doanh nghiệp có vốn nhà nước chi phối như hiện nay. Sau hợp nhất tỉnh An Giang và tỉnh Kiên Giang, thực hiện sắp xếp, cơ cấu lại theo đúng quy định.

c) Về nhiệm vụ, quyền hạn

Nhiệm vụ, quyền hạn cụ thể của chính quyền tỉnh An Giang sau hợp nhất thực hiện theo quy định tại Luật Tổ chức chính quyền địa phương và quy định của cơ quan có thẩm quyền.

1.4. Các cơ quan của Trung ương thực hiện nhiệm vụ chính trị trên địa bàn tỉnh An Giang sau hợp nhất

Các đơn vị của Trung ương thực hiện nhiệm vụ chính trị trên địa bàn tỉnh An Giang mới hình thành sau hợp nhất bao gồm: Công an, Bộ Chỉ huy Quân sự, Bộ đội Biên phòng, Viện kiểm sát nhân dân, Tòa án nhân dân, Cục Thi hành án dân sự, Cục Thống kê, Kho bạc Nhà nước, Bảo hiểm xã hội,... sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy, đội ngũ cán bộ, công chức, người lao động theo hướng dẫn của cơ quan cấp trên và quy định của pháp luật bảo đảm đồng bộ với lộ trình hợp nhất tỉnh An Giang và tỉnh Kiên Giang.

2. Phương án và lộ trình bố trí, sắp xếp cán bộ, công chức, viên chức, người lao động sau hợp nhất ĐVHC cấp tỉnh

2.1. Biên chế và số lượng cán bộ, công chức, viên chức, người lao động

Số lượng cán bộ, công chức, viên chức của tỉnh An Giang sau hợp nhất tối đa không vượt quá tổng số cán bộ, công chức, viên chức (số có mặt) của tỉnh An Giang và tỉnh Kiên Giang trước hợp nhất và thực hiện tinh giản biên chế gắn với cơ cấu lại, nâng cao chất lượng đội ngũ theo lộ trình, bảo đảm trong thời hạn 05 năm cơ bản số lượng biên chế thực hiện theo đúng quy định. Sau khi chính quyền địa phương tỉnh An Giang đi vào hoạt động, căn cứ quy mô dân số, diện tích tự nhiên, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của tỉnh để xây dựng vị trí việc làm trình cấp có thẩm quyền giao biên chế cho tỉnh theo quy định.

Theo đó, tổng số biên chế cấp tỉnh hiện có mặt của tỉnh An Giang sau hợp nhất là 29.911 người (gồm 73 cán bộ, 2.823 công chức, 22.937 viên chức, 188 biên chế hội quần chúng, 3.890 người lao động). Trong đó:

- Biên chế hiện có mặt của tỉnh An Giang là 16.939 người, gồm: 42 cán bộ, 1.334 công chức, 12.520 viên chức, 118 biên chế hội quần chúng và 2.925 người lao động).

- Biên chế hiện có mặt của tỉnh Kiên Giang là 12.972 người, gồm: 31 cán bộ, 1.489 công chức, 10.417 viên chức, 70 biên chế hội quần chúng và 965 người lao động).

2.2. Định hướng phương án bố trí, sắp xếp cán bộ, công chức, viên chức

a) Đối với cán bộ, công chức lãnh đạo, quản lý

- Việc sắp xếp, bố trí cán bộ, công chức giữ các chức danh lãnh đạo, quản lý của tỉnh An Giang sau sắp xếp thực hiện theo Kết luận của Bộ Chính trị và hướng dẫn của Ban Tổ chức Trung ương.

- Số lượng lãnh đạo, quản lý của các cơ quan, tổ chức ở tỉnh An Giang mới sau sắp xếp tối đa không vượt quá tổng số lãnh đạo, quản lý có mặt của các cơ quan, tổ chức ở tỉnh Kiên Giang và tỉnh An Giang trước sắp xếp và thực hiện bố trí theo hướng dẫn của cơ quan có thẩm quyền.

- Đối với trường hợp đang giữ chức danh người đứng đầu cơ quan chuyên môn, căn cứ điều kiện thực tiễn và tiêu chuẩn, năng lực cán bộ, công chức, Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang xem xét, quyết định lựa chọn người đứng đầu đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ của tỉnh sau sắp xếp. Đối với người đứng đầu cơ quan chuyên môn không bố trí tiếp tục làm người đứng đầu sau sắp xếp thì được bố trí ở vị trí cấp dưới liền kề hoặc bố trí giữ chức danh tương đương ở cơ quan, tổ chức, đơn vị khác hoặc tăng cường làm lãnh đạo cấp xã theo yêu cầu nhiệm vụ, năng lực của cán bộ, công chức và được bảo lưu phụ cấp chức vụ theo quy định của Chính phủ về sắp xếp tổ chức bộ máy.

- Đối với trường hợp đang giữ chức danh cấp phó của người đứng đầu cơ quan chuyên môn, Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang xem xét, quyết định bố trí làm cấp phó của người đứng đầu đơn vị sau sắp xếp hoặc bố trí giữ chức danh tương đương ở cơ quan, tổ chức, đơn vị khác hoặc tăng cường làm lãnh đạo cấp xã theo yêu cầu nhiệm vụ, năng lực của cán bộ, công chức.

- Trước mắt số lượng cấp phó của người đứng đầu các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc chính quyền địa phương ở tỉnh An Giang mới sau sắp xếp có thể cao hơn quy định và giảm dần theo lộ trình bảo đảm thực hiện quy định của Chính phủ.

b) Đối với công chức, viên chức, người lao động

Trước mắt giữ nguyên số lượng công chức, viên chức, người lao động trước sắp xếp tại cơ quan, tổ chức, đơn vị để sắp xếp, bố trí công tác tại cơ quan, tổ chức, đơn vị tương ứng sau sắp xếp hoặc bố trí công tác tại cấp xã. Sau đó, thực hiện

tinh giản biên chế gắn với cơ cấu lại, nâng cao chất lượng đội ngũ theo lộ trình, bảo đảm trong thời hạn 05 năm cơ bản số lượng biên chế thực hiện theo đúng quy định.

3. Chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức, viên chức và người lao động sau sắp xếp ĐVHC

a) Cán bộ, công chức, viên chức, người lao động hưởng lương từ ngân sách nhà nước khi được bố trí công tác ở ĐVHC mới thì tiếp tục được hưởng lương theo ngạch, bậc và các chế độ phụ cấp lương hiện hưởng trong thời gian gian 6 tháng; sau đó thực hiện theo quy định mới của Chính phủ.

b) Trường hợp cán bộ, công chức, viên chức, người lao động trong quá trình sắp xếp mà có đơn tự nguyện nghỉ hưu trước tuổi hoặc nghỉ thôi việc thì cơ quan, tổ chức, đơn vị có thẩm quyền thực hiện việc rà soát, đánh giá và thực hiện chính sách, chế độ theo quy định hiện hành của Chính phủ, bảo đảm giữ được người có năng lực nổi trội, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ.

c) Cán bộ, công chức, viên chức, người lao động, người hưởng lương lực lượng vũ trang trên địa bàn ĐVHC sau sắp xếp tiếp tục hưởng chế độ, chính sách đặc thù áp dụng theo vùng, theo khu vực hoặc theo ĐVHC như thời điểm trước khi thực hiện sắp xếp cho đến khi có quyết định khác của cấp có thẩm quyền. Trường hợp có thay đổi tên gọi của ĐVHC sau sắp xếp thì sử dụng tên gọi mới của ĐVHC để tiếp tục tổ chức thực hiện các chế độ, chính sách đặc thù.

d) Nghiên cứu ban hành chính sách hỗ trợ cho cán bộ, công chức, viên chức tỉnh An Giang khi chuyển về công tác, làm việc tại Trung tâm hành chính - chính trị tại thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.

III. PHƯƠNG ÁN VÀ LỘ TRÌNH SẮP XẾP, XỬ LÝ TRỤ SỞ, TÀI SẢN CÔNG SAU SẮP XẾP ĐVHC CẤP TỈNH

1. Định hướng

a) Việc bố trí, sử dụng trụ sở, tài sản công sau sắp xếp ĐVHC thực hiện theo quy định của Chính phủ về sắp xếp lại, xử lý tài sản công và hướng dẫn của cơ quan có thẩm quyền.

b) Tỉnh Kiên Giang chủ trì, chỉ đạo các sở, ngành liên quan cân đối, bố trí ngân sách để đầu tư sửa chữa, cải tạo, nâng cấp các trụ sở làm việc được tiếp tục sử dụng phục vụ hoạt động của tỉnh An Giang sau sắp xếp; quan tâm đến nhà ở công vụ, phương tiện phục vụ công tác và nhu cầu đi lại cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, người lao động của các ĐVHC thực hiện sắp xếp để ổn định điều kiện làm việc tại tỉnh An Giang mới sau sắp xếp.

c) Căn cứ điều kiện hạ tầng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong hoạt động của bộ máy Đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội, hội quần chúng do Đảng Nhà nước giao nhiệm vụ, yêu cầu sâu sát địa bàn, cơ sở, để thực hiện bố trí tỷ lệ hợp lý số lượng cán bộ, công chức, viên chức làm việc đồng thời tại trụ sở ĐVHC của tỉnh An Giang hiện nay và tại trung tâm hành chính - chính trị của tỉnh An Giang mới tại thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang hiện nay để bảo đảm công tác lãnh đạo của Đảng, quản lý nhà nước và vận động quần chúng tại các địa bàn

của tỉnh An Giang hiện nay, giảm bớt khó khăn việc đi lại, sinh hoạt của cán bộ, công chức, viên chức, người lao động trong giai đoạn đầu hợp nhất.

2. Phương án và lộ trình cụ thể sắp xếp, xử lý trụ sở công đôi dư

a) Qua rà soát, tổng số trụ sở công (cấp tỉnh) của 02 tỉnh trước khi thực hiện sắp xếp là 876 trụ sở. Trong đó, dự kiến tổng số trụ sở công sẽ tiếp tục được sử dụng là 718 trụ sở; không tiếp tục sử dụng là 40 trụ sở và có phương án khác là 118 trụ sở.

b) Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang đã phối hợp với Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang tiến hành rà soát, thống kê, xây dựng phương án tiếp tục bố trí, sử dụng, thực hiện điều chuyển cho cơ quan, đơn vị khác sử dụng hoặc tổ chức đấu giá tài sản theo đúng quy định; bảo đảm sẽ giải quyết toàn bộ trụ sở công đôi dư trong vòng 05 năm kể từ ngày Nghị quyết của Quốc hội về sắp xếp tỉnh An Giang và tỉnh Kiên Giang có hiệu lực thi hành, không để xảy ra thất thoát, lãng phí.

IV. PHƯƠNG ÁN VÀ LỘ TRÌNH THỰC HIỆN CÁC CHẾ ĐỘ, CHÍNH SÁCH ĐẶC THÙ ĐỐI VỚI ĐVHC CẤP TỈNH HÌNH THÀNH SAU HỢP NHẤT (NẾU CÓ)

Thực hiện đúng theo quy định tại Điều 13 Nghị quyết số 76/2025/UBTVQH15 ngày 14/4/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp ĐVHC. Theo đó:

1. Người dân, cán bộ, công chức, viên chức, người lao động, người hưởng lương trong lực lượng vũ trang trên địa bàn ĐVHC sau sắp xếp tiếp tục hưởng chế độ, chính sách đặc thù áp dụng theo vùng, theo khu vực hoặc theo ĐVHC như thời điểm trước khi thực hiện sắp xếp cho đến khi có quyết định khác của cấp có thẩm quyền.

2. Giữ nguyên phạm vi, đối tượng và nội dung của các chế độ, chính sách theo quy định của trương ương và địa phương áp dụng đối với ĐVHC như trước khi sắp xếp cho đến khi có quyết định khác của cơ quan có thẩm quyền.

3. Trường hợp thay đổi tên gọi của ĐVHC sau sắp xếp thì sử dụng tên gọi mới của ĐVHC để tiếp tục tổ chức thực hiện các chế độ, chính sách đặc thù.

V. KẾ HOẠCH, LỘ TRÌNH THỰC HIỆN VÀ TRÁCH NHIỆM CỦA CƠ QUAN, TỔ CHỨC, ĐƠN VỊ TRONG VIỆC HỢP NHẤT ĐVHC CẤP TỈNH

1. Đề nghị Ban Thường vụ Tỉnh ủy

- Tiếp tục chỉ đạo thực hiện việc sắp xếp, tổ chức lại ĐVHC các cấp và xây dựng mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp theo quy định tại Kết luận của Bộ Chính trị, Ban Bí thư; Nghị quyết số 76/2025/UBTVQH15 ngày 14/4/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp ĐVHC; Nghị quyết số 74/NQ-CP ngày 07/4/2025 của Chính phủ ban hành Kế hoạch thực hiện sắp xếp ĐVHC và đặc biệt là Nghị quyết của Quốc hội về hợp nhất tỉnh An Giang và tỉnh Kiên Giang.

- Phân công Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Tỉnh ủy viên căn cứ chức năng, nhiệm vụ của ngành được phân công và địa bàn theo dõi, chủ động phối hợp với các ngành, các cấp, các địa phương có liên quan chỉ đạo triển khai thực hiện, bảo đảm yêu cầu và mục tiêu đã đề ra.

2. Đề nghị Ban Tổ chức Tỉnh ủy

- Chủ trì phối hợp với Đảng ủy Ủy ban nhân dân tỉnh tham mưu Thường trực Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy, nhân sự trong hệ thống chính trị của tỉnh sau hợp nhất.

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan và tổ chức thực hiện sắp xếp, tổ chức lại các cơ quan tham mưu giúp việc cho Tỉnh ủy, Mặt trận tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội của tỉnh và cấp ủy cấp xã theo quy định.

3. Đề nghị Ban Tuyên giáo và Dân vận Tỉnh ủy

Phối hợp với Đảng ủy Ủy ban nhân dân tỉnh lãnh đạo công tác tuyên truyền các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước, Nghị quyết của Quốc hội về hợp nhất tỉnh An Giang và tỉnh Kiên Giang.

4. Đề nghị Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, các tổ chức chính trị - xã hội trên địa bàn tỉnh

- Xây dựng chương trình, kế hoạch tuyên truyền, vận động đoàn viên, hội viên và các tầng lớp Nhân dân để tạo sự đồng thuận, thống nhất về nhận thức và hành động khi triển khai thực hiện Nghị quyết của Quốc hội về hợp nhất tỉnh An Giang và tỉnh Kiên Giang.

- Hướng dẫn, phối hợp với các cơ quan đơn vị có liên quan đơn đốc việc sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy, cán bộ, công chức và giải quyết chế độ, chính sách đối với cán bộ dôi dư của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội.

5. Đề nghị Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh

Chỉ đạo tổ chức sắp xếp lại các ban chuyên môn và Văn phòng Đoàn đại biểu quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh theo quy định.

6. Sở Nội vụ

- Phối hợp với Ban Tổ chức Tỉnh ủy và các cơ quan có liên quan hướng dẫn việc sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy, nhân sự trong các cơ quan chuyên môn, cơ quan hành chính khác, đơn vị sự nghiệp thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh và các ĐVHC cấp xã sau sắp xếp; hoàn thiện đề án sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy trình cấp có thẩm quyền quyết định.

- Trình Ủy ban nhân dân tỉnh để Trình Hội đồng nhân dân tỉnh An Giang quyết định thành lập các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang sau hợp nhất theo quy định.

- Trình Ủy ban nhân dân tỉnh quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của các cơ quan chuyên môn khi có Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh và hướng dẫn của Bộ, ngành trung ương theo đúng quy định.

- Trình Ủy ban nhân dân tỉnh giao biên chế cho các cơ quan chuyên môn, cơ quan hành chính khác, đơn vị sự nghiệp và các ĐVHC cấp xã sau sắp xếp theo quy định.

- Thực hiện việc lập, chỉnh lý hồ sơ, bản đồ địa giới ĐVHC các cấp sau sắp xếp theo kế hoạch của Chính phủ.

- Đầu mối tiếp nhận, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh những khó khăn, vướng mắc khi thực hiện việc sắp xếp, tổ chức lại ĐVHC các cấp và xây dựng mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp theo quy định.

7. Sở Tài chính

- Hướng dẫn việc quản lý, sử dụng, quyết toán kinh phí thực hiện hợp nhất tỉnh An Giang và tỉnh Kiên Giang; việc xử lý tài sản, trụ sở làm việc của các cơ quan, tổ chức sau hợp nhất; việc thực hiện quy định về miễn phí, lệ phí khi thực hiện việc chuyển đổi các loại giấy tờ liên quan của cá nhân, tổ chức, doanh nghiệp do thay đổi địa giới và tên gọi của ĐVHC cấp tỉnh.

- Tham mưu, đề xuất cơ chế chính sách về phương tiện đi lại, nhà ở công vụ, điều kiện trang thiết bị phục vụ cho cán bộ, công chức, viên chức và người lao động của tỉnh An Giang sau hợp nhất.

- Hướng dẫn việc rà soát, điều chỉnh các quy hoạch của địa phương theo Luật Quy hoạch và các quy định của pháp luật về quy hoạch.

8. Sở Xây dựng

- Hướng dẫn các địa phương rà soát, lập, điều chỉnh quy hoạch theo đúng các định hướng quy hoạch đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt; đề xuất các biện pháp để đảm bảo và tiếp tục nâng cao chất lượng đô thị sau khi hợp nhất tỉnh An Giang và tỉnh Kiên Giang.

- Hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra việc lập, thực hiện quy hoạch và các nhiệm vụ liên quan đến quy hoạch đảm bảo đúng lộ trình, hiệu quả và đúng quy định của pháp luật.

- Hướng dẫn các địa phương trong việc bàn giao hồ sơ, tuyến đường giao thông trên địa bàn; việc quản lý, nâng cấp, đầu tư hạ tầng giao thông đối với ĐVHC cấp xã mới đảm bảo kết nối thuận lợi.

9. Sở Nông nghiệp và Môi trường

- Hướng dẫn các địa phương xây dựng đề án quy hoạch khai thác và sử dụng quỹ đất đảm bảo hiệu quả, tiết kiệm, đáp ứng được yêu cầu phát triển trước mắt và đảm bảo quá trình phát triển lâu dài, bền vững trong tương lai.

- Hướng dẫn việc rà soát, chỉnh lý, bàn giao hồ sơ địa chính sau khi hợp nhất do thay đổi đường địa giới hành chính và tên gọi của ĐVHC.

10. Sở Tư pháp

- Hướng dẫn làm tốt công tác bàn giao hồ sơ tư pháp, đồng thời làm tốt công tác quản lý hộ tịch theo đúng quy định; phối hợp với cơ quan chức năng hướng dẫn việc chuyển đổi các loại giấy tờ cho tổ chức và công dân liên quan đến lĩnh vực quản lý của ngành; hướng dẫn, kiểm tra việc bàn giao số liệu, hồ sơ liên quan đến lĩnh vực tư pháp của ĐVHC cấp xã sau sắp xếp.

- Hướng dẫn xử lý các vấn đề phát sinh thuộc lĩnh vực hộ tịch, đăng ký các biện pháp đảm bảo khi thực hiện hợp nhất tỉnh An Giang và tỉnh Kiên Giang.



11. Sở Khoa học và Công nghệ

Hướng dẫn thực hiện chính quyền điện tử, chính quyền số đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số; về xây dựng hệ thống dữ liệu kết nối, liên thông giữa chính quyền địa phương cấp xã, cấp tỉnh, liên thông với cơ quan trung ương,... và các vấn đề khác có liên quan thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước.

12. Sở Văn hóa và Thể thao

- Chủ trì, phối hợp với Sở Nội vụ và các sở, ban, ngành tỉnh cung cấp thông tin cho các cơ quan báo chí thực hiện tốt công tác tuyên truyền nhằm tạo sự đồng thuận trong xã hội, của các ngành, các cấp, của cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và Nhân dân trong việc triển khai thực hiện Nghị quyết của Quốc hội về việc hợp nhất tỉnh An Giang và tỉnh Kiên Giang.

- Chỉ đạo các cơ quan báo chí chủ động phối hợp với Sở Nội vụ và các địa phương thường xuyên thông tin về kết quả đạt được; những kinh nghiệm hay, cách làm tốt; những việc chưa làm được, nguyên nhân; giải pháp khắc phục và những bài học kinh nghiệm quý trong việc sắp xếp ĐVHC.

13. Sở Y tế

Chủ trì, hướng dẫn về sắp xếp, tổ chức các cơ sở y tế tại tỉnh An Giang mới sau hợp nhất theo quy định.

14. Sở Dân tộc và Tôn giáo

Phối hợp với Sở Nội vụ giải quyết các phát sinh về Dân tộc và Tôn giáo tại tỉnh An Giang mới sau hợp nhất theo quy định.

15. Sở Giáo dục và Đào tạo

Hướng dẫn bảo đảm duy trì, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các cơ sở giáo dục và đào tạo công lập tại tỉnh An Giang mới sau hợp nhất theo quy định.

16. Công an tỉnh

- Bố trí, sắp xếp tổ chức bộ máy công an đồng thời với phương án hợp nhất tỉnh An Giang và tỉnh Kiên Giang theo chỉ đạo của Bộ Công an; chỉ đạo, hướng dẫn các xã, phường về công tác bàn giao hồ sơ liên quan đến công tác đảm bảo an ninh trật tự, liên quan đến quản lý hộ khẩu.

- Hướng dẫn việc thực hiện thu hồi con dấu cũ, khắc con dấu mới của các cơ quan, tổ chức tại tỉnh An Giang mới sau khi hợp nhất; hướng dẫn việc chuyển đổi địa chỉ cư trú, các loại giấy tờ của công dân do thay đổi địa giới và tên gọi; hướng dẫn tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong lĩnh vực lý lịch tư pháp sau khi sắp xếp, tổ chức lại ĐVHC.

17. Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh

Thực hiện sắp xếp, tổ chức lại theo chỉ đạo của Bộ Quốc phòng; hướng dẫn công tác bàn giao các hồ sơ liên quan đến công tác quân sự, quốc phòng địa phương khi tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp; bàn giao các công trình quân sự, quốc phòng trên địa bàn (nếu có) theo đúng quy định.

18. Các sở, ngành liên quan

a) Tăng cường công tác tuyên truyền, vận động tạo sự thống nhất về nhận thức và thực hiện trong đội ngũ cán bộ, công chức và Nhân dân về chủ trương sắp xếp, tổ chức lại ĐVHC các cấp và xây dựng mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp.

b) Tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy, đặc biệt là trách nhiệm của người đứng đầu đơn vị trong tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết của Quốc hội về việc hợp nhất tỉnh An Giang và tỉnh Kiên Giang.

c) Căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao, các sở, ngành chủ động phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp xã sau sắp xếp nghiên cứu, bố trí tỷ lệ cán bộ, công chức, viên chức và người lao động phù hợp với tình hình thực tế của cơ quan, đơn vị, địa phương (điều kiện về hạ tầng công nghệ thông tin, chuyển đổi số) và đảm bảo công tác quản lý nhà nước tại các địa bàn nhằm giảm bớt khó khăn, đi lại sinh hoạt của cán bộ, công chức, viên chức và người lao động.

d) Căn cứ quy định của cơ quan có thẩm quyền hướng dẫn các đối tượng được hưởng chế độ chính sách đặc thù, đảm bảo kịp thời và đúng quy định.

đ) Đối với các cơ quan có chức năng giám sát, kiểm tra cần tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát việc thực hiện Nghị quyết của Quốc hội.

19. Báo, Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh, Cổng Thông tin điện tử tỉnh và các cơ quan thông tấn, báo chí

Tổ chức tuyên truyền Nghị quyết của Quốc hội về việc hợp nhất tỉnh An Giang và tỉnh Kiên Giang; các văn bản khác có liên quan để nâng cao nhận thức, trách nhiệm và tạo sự đồng thuận của các tầng lớp Nhân dân trong quá trình thực hiện sắp xếp ĐVHC.

VI. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT

Việc hợp nhất tỉnh An Giang và tỉnh Kiên Giang nhằm thực hiện các chủ trương của Đảng và nhà nước, của Tỉnh; là thực sự cần thiết, đảm bảo phù hợp với các tiêu chí về tiêu chuẩn, lịch sử, truyền thống, văn hóa, dân tộc, địa kinh tế, địa chính trị và quốc phòng, an ninh; đảm bảo tuân thủ Hiến pháp, chủ trương, định hướng của Bộ Chính trị, Ban Bí thư và thẩm quyền, trình tự, thủ tục đúng theo quy định tại Luật Tổ chức chính quyền địa phương, các Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Kế hoạch của Chính phủ; gắn liền với đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả; phát huy tiềm năng, lợi thế, mở rộng không gian phát triển của các ĐVHC nhằm nâng cao hiệu quả đầu tư kinh tế - xã hội, đảm bảo phát triển hài hòa và bền vững trong giai đoạn mới; đẩy mạnh phân cấp, phân quyền, tăng cường tính tự chủ, tự chịu trách nhiệm của chính quyền địa phương; cơ cấu lại và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, người lao động; bảo đảm chính quyền cấp cơ sở gần dân, sát dân và phục vụ người dân được tốt nhất; tạo lập cơ sở pháp lý cho công tác quy hoạch xây dựng và phát triển của toàn vùng, gắn kết chặt chẽ với đảm bảo chủ quyền, quốc phòng, an ninh, trật tự an toàn xã hội vùng đồng bằng sông Cửu Long nói chung và khu vực biên giới phía Tây Nam của Tổ quốc nói riêng. Việc hợp

nhất tỉnh An Giang và tỉnh Kiên Giang tuy bước đầu có làm xáo trộn cuộc sống của người dân nhưng với truyền thống đoàn kết dân tộc, lịch sử, văn hóa của địa phương nên đời sống của người dân sẽ sớm ổn định và tiếp tục phát triển bền vững trong thời kỳ mới.

Trên đây là Đề án hợp nhất tỉnh An Giang và tỉnh Kiên Giang. Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang kính trình Chính phủ xem xét, trình cấp có thẩm quyền quyết định. *Đ. Ho*

Nơi nhận:

- Chính phủ;
- Bộ Nội vụ;
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh (An Giang, Kiên Giang);
- UBND tỉnh An Giang;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Sở Nội vụ (An Giang, Kiên Giang);
- Văn phòng UBND tỉnh An Giang;
- LDVP, P. NC,
- Lưu: VT, ltmxuyen.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Thanh Nhàn



TỈNH KIÊN GIANG

THÔNG KÊ HIỆN TRẠNG ĐVHC CẤP TỈNH TRƯỚC SẮP XẾP VÀ KẾT QUẢ THỰC HIỆN SAU SẮP XẾP ĐVHC CẤP TỈNH

(Kèm theo Đề án sắp xếp ĐVHC cấp tỉnh)

Phụ lục 1.1

TT	Tên ĐVHC	Diện tích tự nhiên		Quy mô dân số		Quy mô kinh tế			Số ĐVHC cấp xã trước sắp xếp	Số ĐVHC cấp cơ sở trực thuộc				Yếu tố đặc thù (nếu có)
		Diện tích (km ²)	Tỷ lệ (%)	Quy mô dân số (người)	Tỷ lệ (%)	GRDP (triệu VNĐ)	Tổng thu NSNN (triệu VNĐ)	Thu nhập bình quân đầu người (triệu VNĐ/năm)		Xã	Phường	Đặc khu	Tổng	
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
I	Hiện trạng													
1	Tỉnh Kiên Giang	6.352,08	127,04	2.210.387	157,88	144.575.028	17.866.588	61,70	143	41	4	3	48	
2	Tỉnh An Giang	3.536,83	70,74	2.741.851	195,85	126.770.855	8.412.547	50,00	155	44	10	0	54	
II	Kết quả													
	Tỉnh An Giang	9.888,91	197,78	4.952.238	353,73	271.345.883	26.279.135		298	85	14	3	102	

Ghi chú: Số liệu được tính đến thời điểm ngày 31/12/2024.

TỈNH KIÊN GIANG

Phụ lục 1.2



**SỐ LƯỢNG CÁN BỘ, CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC
ĐVHC CẤP TỈNH SAU SẮP XẾP**

(Kèm theo Đề án sắp xếp ĐVHC cấp tỉnh)

Số TT	Đối tượng	Số lượng theo định mức được giao	Số lượng hiện có (số có mặt)	Số lượng thực hiện sắp xếp, tinh giản theo quy định hiện hành (theo Nghị định 178, Nghị định 67,... và các chính sách của địa phương)
	1	2	3	4
I	Tỉnh Kiên Giang	15.336	12.972	0
1	Cán bộ	32	31	0
2	Công chức	1.561	1.489	0
3	Viên chức	12.703	10.417	0
4	Hội quần chúng	70	70	
5	Người lao động	970	965	
II	Tỉnh An Giang	18.730	16.939	85
1	Cán bộ	42	42	0
2	Công chức	1.357	1.334	8
3	Viên chức	14.263	12.520	77
4	Hội quần chúng	118	118	
5	Người lao động	2.950	2.925	
TỔNG		34.066	29.911	85

TỈNH KIÊN GIANG



Phụ lục 1.3

PHƯƠNG ÁN XỬ LÝ TRỤ SỞ CÔNG DỰ KIẾN KHÔNG TIẾP TỤC SỬ DỤNG SAU SẮP XẾP ĐVHC CẤP TỈNH
(Kèm theo Đề án sắp xếp ĐVHC cấp tỉnh)

Số TT	Tên tỉnh	Số lượng	Phương án sắp xếp, xử lý			Lộ trình				
			Tiếp tục sử dụng	Số lượng không tiếp tục sử dụng	Phương án khác	2025	2026	2027	2028	2029
1	Tỉnh An Giang	463	327	39	97	46	25	35	15	15
2	Tỉnh Kiên Giang	413	391	1	21	7	8	7	0	0
TỔNG		876	718	40	118	53	33	42	15	15